




Hướng dẫn sử dụng

Dell P2314H

Số mẫu: P2314H

Mẫu pháp quy: P2314Ht/P2314Hc



-  **LƯU Ý:** LƯU Ý cho biết thông tin quan trọng giúp bạn sử dụng máy tính tốt hơn.
-  **THẬN TRỌNG:** THẬN TRỌNG cho biết khả năng bị hỏng phần cứng hoặc mất dữ liệu nếu không làm theo hướng dẫn.
-  **CẢNH BÁO:** CẢNH BÁO cho biết khả năng bị hỏng tài sản, bị thương hoặc tử vong.

© 2013-1* Dell Inc. Bảo lưu mọi quyền.

Thông tin trong tài liệu này có thể thay đổi mà không thông báo. Cấm sao chép các tài liệu này dưới mọi hình thức mà không có sự cho phép bằng văn bản của Dell Inc.

Các thương hiệu được sử dụng trong tài liệu này: Dell™, logo DELL và Inspiron™ là thương hiệu của Dell Inc.; Intel®, Centrino®, Core™ và Atom™ là thương hiệu hoặc thương hiệu đã đăng ký của Intel Corporation tại Hoa Kỳ và/hoặc các nước khác; Microsoft®, Windows® và logo nút start (bắt đầu) của Windows là thương hiệu hoặc thương hiệu đã đăng ký của Microsoft Corporation tại Hoa Kỳ và/hoặc các nước khác; Bluetooth® là thương hiệu đã đăng ký được sở hữu bởi Bluetooth SIG, Inc. và được dùng bởi Dell theo giấy phép; Blu-ray Disc™ là thương hiệu được sở hữu bởi Blu-ray Disc Association (BDA) và được cấp phép để dùng trên đĩa và đầu đĩa; Các thương hiệu và tên thương mại khác có thể được sử dụng trong tài liệu này để chỉ đến các thực thể tuyên bố quyền sở hữu thương hiệu và tên đó hoặc chỉ đến sản phẩm của họ. Dell Inc. từ bỏ mọi quyền lợi chủ sở hữu đối với các thương hiệu và tên thương mại không phải của mình.

Nội dung

Thông tin về màn hình của bạn	6
Nội dung gói hàng	6
Tính năng sản phẩm	8
Nhận diện các bộ phận và phần điều khiển	9
Góc nhìn mặt trước	9
Góc nhìn mặt sau	10
Góc nhìn mặt bên	11
Thông số kĩ thuật màn hình	12
Thông số kĩ thuật bàn phẳng	12
Thông số kĩ thuật độ phân giải	12
Chế độ video được hỗ trợ	12
Chế độ hiển thị thiết lập sẵn	13
Thông số kĩ thuật điện năng	13
Đặc tính vật lí	14
Đặc tính môi trường	14
Chế độ quản lí điện năng	15
Chỉ định chân cắm	16
Chức năng Cắm và Chạy	18
Giao diện USB (Universal Serial Bus)	19
Chất lượng màn hình LCD và Chính sách điểm ảnh	20
Hướng dẫn bảo trì	21
Lau màn hình	21
Lắp đặt màn hình	22
Gắn giá đỡ	22
Kết nối màn hình	22
Sắp xếp dây cáp	24
Gắn nắp che cáp	25
Gỡ giá đỡ	25
Treo tường (tuỳ chọn)	26
Vận hành màn hình	27
Bật nguồn màn hình	27
Sử dụng Bộ điều khiển bàn trước	27
Sử dụng menu Hiển thị trên màn hình (OSD)	30
Thông báo cảnh báo của OSD	43
Thiết đặt độ phân giải tối đa	44

Sử dụng chức năng nghiêng, quay và mở rộng theo chiều dọc . . .	45
Nghiêng, xoay	45
Mở rộng theo chiều dọc	46
Xoay màn hình	46
Điều chỉnh Thiết đặt hiển thị xoay của hệ thống	48
Khắc phục sự cố	49
Tự kiểm tra	49
Chẩn đoán tích hợp sẵn	50
Các vấn đề thông thường	51
Các vấn đề cụ thể của sản phẩm	57
Các vấn đề cụ thể về USB (Universal Serial Bus)	58
Phụ lục	59
CẢNH BÁO: Hướng dẫn an toàn	59
Thông báo FCC (Chỉ ở Hoa Kỳ) và Thông tin pháp quy khác	59
Liên hệ Dell	59
Thiết lập màn hình của bạn	60
Thiết đặt độ phân giải màn hình đến 1920 x 1080 (Tối đa).	60
Máy tính Dell	59
Máy tính không phải của Dell	60
Quy trình thiết lập màn hình kép trong Windows Vista®, Windows® 7, Windows® 8, Windows® 8.1 hoặc Windows® 10	61

Thông tin về màn hình của bạn

Nội dung gói hàng

Màn hình của bạn được giao cùng với những thành phần như minh hoạ bên dưới. Hãy đảm bảo bạn đã nhận được tất cả các thành phần này và [liên hệ Dell](#) nếu thiếu bất kỳ thành phần nào.

LƯU Ý: Một số món có thể ở dạng tùy chọn và không được giao tới cùng màn hình. Một số tính năng hay đa phương tiện có thể không có ở những quốc gia nhất định.

LƯU Ý: Để lắp với bất kỳ giá đỡ nào khác, vui lòng tham khảo hướng dẫn lắp đặt giá đỡ tương ứng đó để biết các chỉ dẫn lắp đặt.

	<ul style="list-style-type: none"> Màn hình
	<ul style="list-style-type: none"> Giá đỡ
	<ul style="list-style-type: none"> Nắp che cáp

	<ul style="list-style-type: none"> Cáp nguồn (khác nhau tùy mỗi nước)
  <p>ho</p>	<ul style="list-style-type: none"> Cáp VGA
  <p>ho</p>	<ul style="list-style-type: none"> Cáp DisplayPort
  <p>ho</p>	<ul style="list-style-type: none"> Cáp USB tải lên (bật các cổng USB trên màn hình)
	<ul style="list-style-type: none"> Trình điều khiển và đa phương tiện tài liệu Hướng dẫn lắp đặt nhanh Hướng dẫn thông tin sản phẩm và an toàn

Tính năng sản phẩm

Màn hình bản phẳng Dell **P2314H** có một ma trận chủ động, bóng bán dẫn màng mỏng (TFT), hiển thị tinh thể lỏng (LCD) và đèn nền LED. Các tính năng màn hình bao gồm:

- Vùng hiển thị chủ động 58,42 cm (23 inch) (Đo theo đường chéo), độ phân giải 1920 x 1080, kèm hỗ trợ toàn màn hình dành cho các độ phân giải thấp hơn.
- Các chức năng nghiêng, quay, mở rộng theo chiều dọc và điều chỉnh xoay.
- Để tháo lắp được và các lỗ nâng đỡ 100 mm của Hiệp hội tiêu chuẩn điện tử video (VESA™) cho các giải pháp nâng đỡ linh hoạt.
- Chức năng cấm và chạy nếu được hỗ trợ bởi hệ thống của bạn.
- Các điều chỉnh Hiển thị trên màn hình (OSD) giúp dễ dàng thiết lập và tối ưu hoá màn hình.
- Đa phương tiện tài liệu hướng dẫn và phần mềm bao gồm Tập tin thông tin (INF), Tập tin điều chỉnh màu ảnh (ICM), ứng dụng phần mềm Dell Display Manager và tài liệu hướng dẫn sản phẩm. Phần mềm Dell Display Manager (sẵn có trong đĩa CD gửi kèm với màn hình).
- Khe khoá an toàn.
- Khoá giá đỡ.
- Chức năng Quản lý tài sản.
- Tuân thủ RoHS.
- Không có BFR/PVC (Không chứa halogen) ngoại trừ cáp bên ngoài.
- Thủy tinh không thạch tín và không thủy ngân chỉ dành cho bản màn hình.
- Thiết bị đo điện năng cho biết mức điện năng được màn hình sử dụng theo thời gian thực.
- Màn hình đạt chứng nhận TCO.

Nhận diện các bộ phận và phần điều khiển

Góc nhìn mặt trước



Nhãn	Mô tả
1.	Các nút chức năng (Để biết thêm thông tin, hãy xem Vận hành màn hình)
2.	Nút tắt/mở nguồn (có đèn LED chỉ báo)

Góc nhìn mặt sau

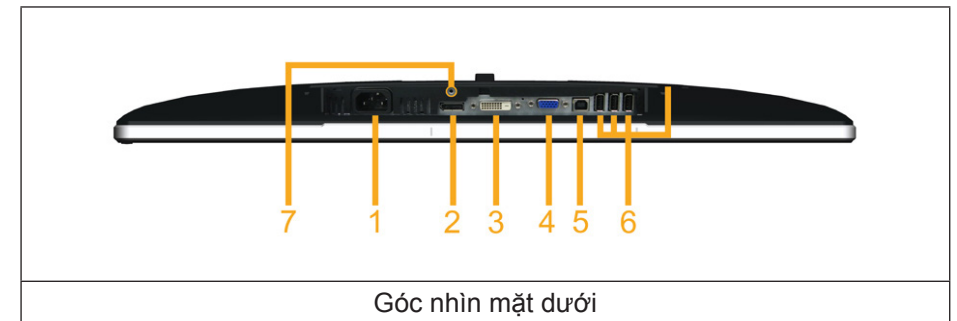


Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Lỗ nâng đỡ VESA (100 mm x 100 mm – đằng sau nắp VESA kèm theo)	Treo màn hình lên tường bằng bộ treo tường tương thích với VESA (100 mm x 100 mm).
2	Nhãn quy định	Liệt kê các phê chuẩn quy định.
3	Nút tháo giá đỡ	Tháo giá đỡ ra khỏi màn hình.
4	Khe khoá an toàn	Sử dụng một khóa an toàn giúp bảo vệ màn hình. (khóa an toàn không đi kèm theo).
5	Nhãn chuỗi số mã vạch	Tham khảo nhãn này nếu bạn cần liên hệ Dell để được hỗ trợ kĩ thuật.
6	Khe lắp Dell Soundbar	Lắp Dell Soundbar tùy chọn. LƯU Ý: Hãy tháo dải nhựa bao phủ các khe cắm trước thi lắp đặt Loa Dạng Thanh của Dell.
7	Khe luồn cáp	Dùng để gom các cáp lại bằng cách đặt chúng qua khe này.

Góc nhìn mặt bên



Góc nhìn mặt dưới



Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1.	Đầu kết nối nguồn AC	Để kết nối cáp nguồn màn hình.
2.	Đầu kết nối DP	Kết nối cáp DP máy tính của bạn.
3	Đầu kết nối DVI	Để kết nối máy tính của bạn đến màn hình bằng cách dùng cáp DVI.
4	Đầu kết nối VGA	Để kết nối máy tính của bạn đến màn hình bằng cách dùng cáp VGA.
5	Cổng USB tải lên	Kết nối cáp USB đi kèm với màn hình của bạn đến màn hình và máy tính. Ngay khi cáp này được kết nối, bạn có thể dùng các đầu kết nối USB trên màn hình.
6	Cổng USB tải xuống	Kết nối thiết bị USB của bạn. Bạn chỉ có thể dùng đầu kết nối này sau khi bạn đã kết nối cáp USB đến máy tính và đầu kết nối USB tải lên trên màn hình.

7	Khoá giá đỡ	Để vô hiệu hóa nút tháo giá đỡ và khoá bộ giá đỡ bằng đinh vít M3 x 6 mm (đinh vít không kèm theo).
---	-------------	---

Thông số kỹ thuật màn hình

Thông số kỹ thuật bản phẳng

Loại màn hình	Ma trận chủ động - TFT LCD
Loại bản	Chuyển hướng tinh thể trong cùng mặt phẳng
Kích thước hình ảnh xem được	
Chiều chéo	58,42 cm (23 inch)
Vùng hoạt động chiều ngang	509,18 mm (20,05 inch)
Vùng hoạt động chiều dọc	286,42 mm (11,28 inch)
Diện tích	145839,34 mm ² (226,05 inch ²)
Cự li điểm ảnh	0,2652 (Ngang) mm x 0,2652 (Dọc) mm
Góc nhìn	178° (dọc) điển hình, 178° (ngang) điển hình
Dẫn xuất độ sáng	250 cd/m ² (điển hình)
Tỉ lệ tương phản	1000:1 (điển hình)
Tỉ lệ tương phản động	2.000.000:1
Lớp phủ bề mặt	Loại AG, Độ mờ 25%, lớp phủ dày 3H
Đèn nền	Hệ thống đèn cạnh LED
Thời gian phản hồi	8 ms Điển hình, g-đến-g có OD
Độ sâu màu	16,7 triệu màu
Gam màu (điển hình)	83%* (CIE1976)

*Gam màu [P2314H] (điển hình) dựa trên tiêu chuẩn kiểm tra CIE1976 (83%) và CIE1931 (72%).

Thông số kỹ thuật độ phân giải

Phạm vi quét ngang	30 kHz đến 83 kHz (tự động)
Phạm vi quét dọc	56 Hz đến 76 Hz (tự động)
Độ phân giải tối đa	1920 x 1080 ở 60 Hz

Chế độ video được hỗ trợ

Chức năng hiển thị video (phát lại DVI)	480p, 576p, 720p, 1080p và 1080i
---	----------------------------------

Chế độ hiển thị thiết lập sẵn

Kiểu hiển thị	Tần số ngang (kHz)	Tần số dọc (Hz)	Xung quét điểm ảnh (MHz)	Phân cực đồng bộ (ngang/dọc)
720 x 400	31,5	70,0	28,3	-/+
640 x 480	31,5	60,0	25,2	-/-
640 x 480	37,5	75,0	31,5	-/-
800 x 600	37,9	60,0	40,0	+/+
800 x 600	46,9	75,0	49,5	+/+
1024 x 768	48,4	60,0	65,0	-/-
1024 x 768	60,0	75,0	78,8	+/+
1152 x 864	67,5	75,0	108,0	+/+
1280 x 1024	64,0	60,0	108,0	+/+
1280 x 1024	80,0	75,0	135,0	+/+
1600 x 900	60,0	60,0	108,0	+/-
1920 x 1080	67,5	60,0	148,5	+/+

Thông số kỹ thuật điện năng

Tín hiệu đầu vào video	<ul style="list-style-type: none"> RGB analog, 0,7 Volt +/-5%, cực dương có trở kháng đầu vào 75 ohm DVI-D TMDS kỹ thuật số, 600 mV cho mỗi đường khác nhau, cực dương tại trở kháng đầu vào 50 ohm Hỗ trợ đầu vào tín hiệu DP 1.2
Tín hiệu đầu vào đồng bộ hoá	Tách biệt đồng bộ hoá ngang và dọc, mức TTL không cực, SOG (Đồng bộ phức hợp trên tín hiệu xanh lục)
Điện áp/tần số/dòng điện đầu vào AC	100 VAC đến 240 VAC/ 50 Hz hoặc 60 Hz + 3 Hz/1,5 A (Tối đa)
Dòng điện kích từ	120 V:30 A (Tối đa) 240 V:60 A (Tối đa)

Đặc tính vật lý

Loại đầu kết nối	D-sub 15 chân, đầu kết nối xanh lam; DVI-D, đầu kết nối trắng; DP, đầu kết nối đen
Loại cáp tín hiệu	Kỹ thuật số: Có thể tháo, DVI-D, chân rắn. Analog: Có thể tháo, D-Sub, 15 chân
Kích thước (có giá đỡ)	
Chiều cao (mở rộng)	493,0 mm (19,41 inch)
Chiều cao (thu gọn)	363,0 mm (14,29 inch)
Chiều rộng	545,8 mm (21,49 inch)
Chiều sâu	180,0 mm (7,09 inch)
Kích thước (không có giá đỡ)	
Chiều cao	323,0 mm (12,72 inch)
Chiều rộng	545,8 mm (21,49 inch)
Chiều sâu	46,5 mm (1,83 inch)
Kích thước giá đỡ	
Chiều cao (mở rộng)	399,7 mm (15,74 inch)
Chiều cao (thu gọn)	354,2 mm (13,94 inch)
Chiều rộng	225,0 mm (8,86 inch)
Chiều sâu	180,0 mm (7,09 inch)
Trọng lượng	
Trọng lượng với gói hàng	7,39 kg (16,26 lb)
Trọng lượng với nhóm giá đỡ và cáp	5,67 kg (12,47 lb)
Trọng lượng không có giá đỡ (Để cân nhắc việc treo tường hoặc dùng giá treo VESA - không cáp)	3,34 kg (7,35 lb)
Trọng lượng của nhóm giá đỡ	1,87 kg (4,11 lb)

Đặc tính môi trường

Nhiệt độ	
Lúc hoạt động	0 °C đến 40 °C
Lúc không hoạt động	Bảo quản: -20 °C đến 60 °C (-4 °F đến 140 °F) Lúc chuyển hàng: -20 °C đến 60 °C (-4 °F đến 140 °F)

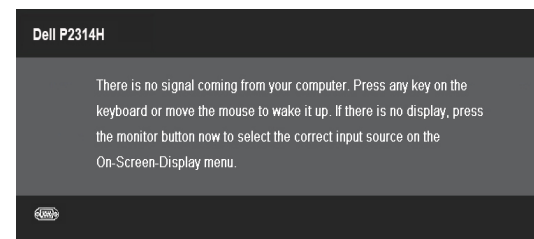
Độ ẩm	
Lúc hoạt động	10% đến 80% (không ngưng tụ)
Lúc không hoạt động	Bảo quản: 5% đến 90% (không ngưng tụ) Lúc chuyển hàng: 5% đến 90% (không ngưng tụ)
Độ cao trên mực nước biển	
Lúc hoạt động	5.000 m (16.400 ft) tối đa
Lúc không hoạt động	12.191 m (40.000 ft) tối đa
Tản nhiệt	
	146,76 BTU/giờ (tối đa) 69,97 BTU/giờ (điển hình)

Chế độ quản lý điện năng

Nếu bạn đã cài đặt thẻ đồ họa hay phần mềm đồ họa tuân thủ DPM™ của VESA trên PC của bạn, màn hình có thể tự động giảm mức tiêu thụ điện năng khi không được sử dụng. Đây được đề cập như Chế độ tiết kiệm điện năng. Nếu máy tính phát hiện thông tin vào từ bàn phím, chuột hay từ các thiết bị đầu vào khác, thì màn hình tự động chạy trở lại. Bảng sau cho thấy mức tiêu thụ điện năng và tín hiệu của tính năng tự động tiết kiệm điện năng này:

Chế độ VESA	Đồng bộ ngang	Đồng bộ dọc	Video	Chỉ báo nguồn	Mức tiêu thụ điện năng
Hoạt động bình thường	Đang chạy	Đang chạy	Đang chạy	Trắng	25 W (điển hình)/43 W (tối đa)
Chế độ Ngưng chạy	Ngưng chạy	Ngưng chạy	Trống	Trắng rực rỡ	Ít hơn 0,3 W
Tắt màn hình	-	-	-	Tắt	Ít hơn 0,3 W

Chức năng OSD chỉ chạy ở chế độ hoạt động bình thường. Khi bấm bất kỳ nút nào ở chế độ Ngưng chạy, thông báo sau đây sẽ hiển thị:

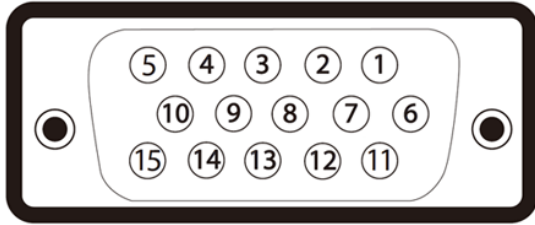


Kích hoạt máy tính và màn hình để có quyền truy cập OSD.

LƯU Ý: Không tiêu thụ điện năng ở chế độ TẮT chỉ có thể có được khi ngắt kết nối bộ chuyển đổi nguồn ra khỏi màn hình.

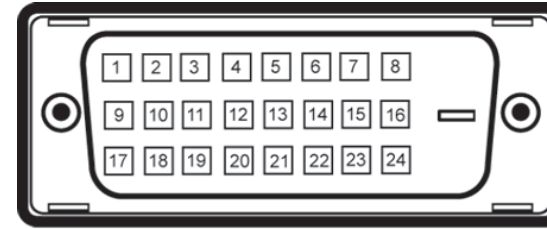
Chỉ định chân cắm

Đầu kết nối VGA



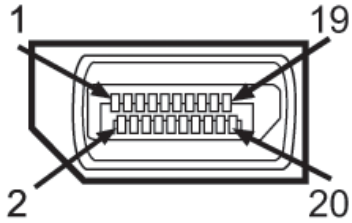
Số của chân	Bên 15 chân của cáp tín hiệu kết nối
1	Video-Đỏ
2	Video-Lục
3	Video-Lam
4	GND
5	Tự kiểm thử
6	GND-R
7	GND-G
8	GND-B
9	Máy tính 5V/3.3V
10	Đồng bộ GND
11	GND
12	Dữ liệu DDC
13	Đồng bộ H
14	Đồng bộ V
15	Xung DDC

Đầu kết nối DVI



Số của chân	Bên 24 chân của cáp tín hiệu kết nối
1	TMDS RX2-
2	TMDS RX2+
3	Nối đất TMDS
4	Nổi
5	Nổi
6	Xung DDC
7	Dữ liệu DDC
8	Nổi
9	TMDS RX1-
10	TMDS RX1+
11	Nối đất TMDS
12	Nổi
13	Nổi
14	Nguồn +5 V/+3,3 V
15	Tự kiểm tra
16	Hot Plug Detect
17	TMDS RX0-
18	TMDS RX0+
19	Nối đất TMDS
20	Nổi
21	Nổi
22	Nối đất TMDS
23	TMDS Clock+
24	TMDS Clock-

Đầu kết nối DisplayPort



Số của chân	Bên 20 chân của cáp tín hiệu kết nối
1	ML0(p)
2	GND
3	ML0(n)
4	ML1(p)
5	GND
6	ML1(n)
7	ML2(p)
8	GND
9	ML2(n)
10	ML3(p)
11	GND
12	ML3(n)
13	GND
14	GND
15	AUX(p)
16	GND
17	AUX(n)
18	HPD
19	Re-PWR
20	PWR

Chức năng Cắm và Chạy

Bạn có thể cài đặt màn hình này vào bất kỳ hệ thống nào tương thích chức năng Cắm và Chạy. Màn hình tự động cung cấp cho hệ thống máy tính Dữ liệu Nhận dạng Hiển thị Mở rộng (EDID) bằng các giao thức Kênh Dữ liệu Hiển thị (DDC) để các hệ thống có thể tự thiết định chính mình và tối ưu hóa

các thiết đặt màn hình. Hầu hết việc cài đặt màn hình đều tự động, bạn có thể chọn những thiết đặt khác nếu muốn. Để biết thêm thông tin về việc thay đổi thiết đặt màn hình, hãy xem [Vận hành màn hình](#).

Giao diện USB (Universal Serial Bus)

Phần này cung cấp cho bạn thông tin về các cổng USB có sẵn trên màn hình.

LƯU Ý: Màn hình này hỗ trợ giao diện USB 2.0 Đạt chứng nhận Tốc độ cao.

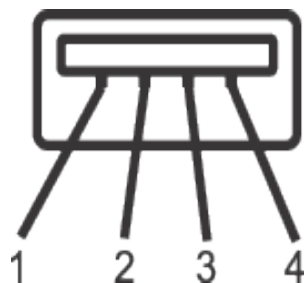
Tốc độ truyền tải	Tốc độ dữ liệu	Mức tiêu thụ điện năng
Tốc độ cao	480 Mbps	2,5 W (Tối đa, mỗi cổng)
Tốc độ đầy đủ	12 Mbps	2,5 W (Tối đa, mỗi cổng)
Tốc độ thấp	1,5 Mbps	2,5 W (Tối đa, mỗi cổng)

Đầu kết nối USB tải lên



Số của chân	Bên 4 chân cắm của đầu kết nối
1	DMU
2	VCC
3	DPU
4	GND

Đầu kết nối USB tải xuống




Số của chân	Bên 4 chân cắm của đầu kết nối
1	VCC
2	DMD
3	DPD
4	GND

Cổng USB

- 1 tải lên - mặt sau
- 4 tải xuống - mặt sau

 **LƯU Ý:** Chức năng USB 2.0 yêu cầu máy tính có thể chạy USB 2.0.



 **LƯU Ý:** Giao diện USB của màn hình chỉ hoạt động khi màn hình được bật hoặc ở chế độ tiết kiệm điện năng. Nếu bạn tắt màn hình và sau đó bật lại, có thể mất vài giây để các thiết bị ngoại vi được gắn có thể tiếp tục hoạt động bình thường.

Chất lượng màn hình LCD và Chính sách điểm ảnh

Trong suốt quy trình sản xuất màn hình LCD, thường thì một hay nhiều điểm ảnh sẽ nằm cố định ở một trạng thái không thay đổi mà rất khó thấy và không gây tác động đến chất lượng hiển thị hay tính sử dụng. Để biết thêm thông tin về Chất lượng màn hình Dell và Chính sách điểm ảnh, hãy truy cập trang web Hỗ trợ của Dell tại: www.dell.com/support/monitors.

Hướng dẫn bảo trì

Lau màn hình

-  **CẢNH BÁO:** Hãy đọc và làm theo các [Hướng dẫn an toàn](#) trước khi lau màn hình.
-  **CẢNH BÁO:** Trước khi lau màn hình, hãy rút dây cáp nguồn màn hình ra khỏi ổ cắm điện.

Để biết được cách thực hiện tốt nhất, hãy làm theo các chỉ dẫn trong danh sách dưới đây khi mở gói hàng, lau chùi, hoặc khi cầm màn hình:

- Để lau màn hình tĩnh điện, hơi thấm ướt miếng vải mềm sạch với nước. Nếu có thể, hãy dùng khăn giấy hoặc dung dịch chuyên dụng để lau màn hình có lớp phủ tĩnh điện. Không dùng benzene, chất pha loãng, ammonia, chất tẩy rửa có hạt, hay khí nén.
- Hãy dùng miếng vải ẩm, hơi thấm ướt để lau màn hình. Tránh dùng bất kỳ loại bột giặt nào do một số bột giặt sẽ để lại lớp màng trắng sữa trên màn hình.
- Nếu bạn để ý thấy bột trắng khi mở lấy màn hình ra, thì hãy dùng miếng vải lau sạch nó.
- Cầm màn hình cẩn thận do màn hình màu tối có thể bị trầy và để để lại các vết xước trắng hơn so với màn hình màu sáng.
- Để giúp duy trì chất lượng hình ảnh tốt nhất trên màn hình, hãy dùng trình bảo vệ màn hình thay đổi linh động và tắt màn hình khi không dùng tới.

Lắp đặt màn hình

Gắn giá đỡ

LƯU Ý: Giá đỡ được tháo ra khỏi màn hình khi màn hình được chuyển đi từ nhà máy.

LƯU Ý: Chức năng này thích hợp cho màn hình có giá đỡ. Khi mua bất kỳ giá đỡ nào khác, vui lòng tham khảo hướng dẫn lắp đặt giá đỡ tương ứng đó để biết các chỉ dẫn lắp đặt.



Để gắn giá đỡ màn hình:

1. Tháo vỏ bọc và đặt màn hình lên nó.
2. Lắp hai miếng thẻ ở phần trên cùng của giá đỡ vào đường rãnh ở sau lưng màn hình.
3. Ấn giá đỡ xuống đến khi nó khớp đúng chỗ.

Kết nối màn hình

⚠ CẢNH BÁO: Trước khi bắt đầu bất kỳ quy trình nào trong phần này, hãy làm theo [Hướng dẫn an toàn](#).

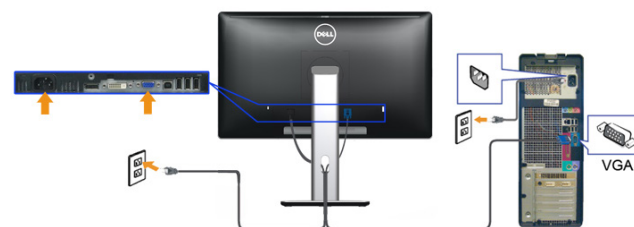
Để kết nối màn hình vào máy tính:

1. Tắt máy tính và ngắt kết nối cáp nguồn.
2. Kết nối cáp kết nối hiển thị màu trắng (DVI-D kỹ thuật số) hoặc màu xanh (VGA analog) hoặc màu đen (DisplayPort) vào cổng video tương ứng ở mặt sau của máy tính. Không được kết nối cả hai cáp trên cùng một máy tính. Chỉ dùng cả hai cáp khi chúng được kết nối với hai máy tính khác nhau có hệ thống video thích hợp.

Kết nối cáp DVI màu trắng



Kết nối cáp VGA màu xanh



Kết nối cáp DisplayPort màu đen



⚠ THẬN TRỌNG: Các hình vẽ chỉ mang tính chất minh họa. Hình ảnh trên máy tính có thể thay đổi.

Kết nối cáp USB

Sau khi bạn đã hoàn tất kết nối cáp DVI/VGA/DP, hãy tuân theo các quy trình dưới đây để kết nối cáp USB đến máy tính và hoàn tất thiết lập màn hình của bạn:

1. Kết nối cáp USB tải lên (cáp được cung cấp) đến một cổng USB thích hợp trên máy tính của bạn. (Xem [góc nhìn mắt dưới](#) để biết chi tiết.)
2. Kết nối thiết bị ngoại vi USB đến cổng USB tải xuống trên màn hình.
3. Cắm phích cắm cáp nguồn dành cho máy tính và màn hình của bạn vào ổ cắm điện gần đó.
4. Bật màn hình và máy tính. Nếu màn hình của bạn hiển thị hình ảnh, nghĩa là cài đặt đã hoàn tất. Nếu màn hình không hiển thị hình ảnh, hãy xem [Giải quyết vấn đề](#).
5. Dùng khe cáp trên giá đỡ màn hình để gom các cáp.



Sắp xếp dây cáp



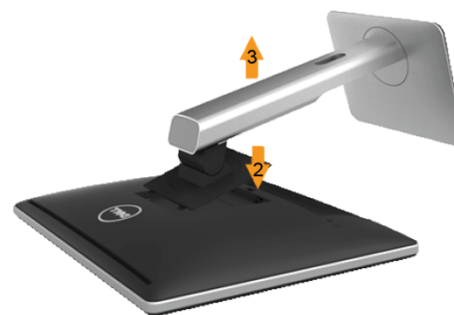
Sau khi gắn tất cả dây cáp cần thiết vào màn hình và máy tính, (Xem [Kết nối màn hình](#) để biết cách gắn cáp,) hãy dùng khe luồn cáp để sắp xếp tất cả dây cáp như minh họa bên trên.

Gắn nắp che cáp



Gỡ giá đỡ

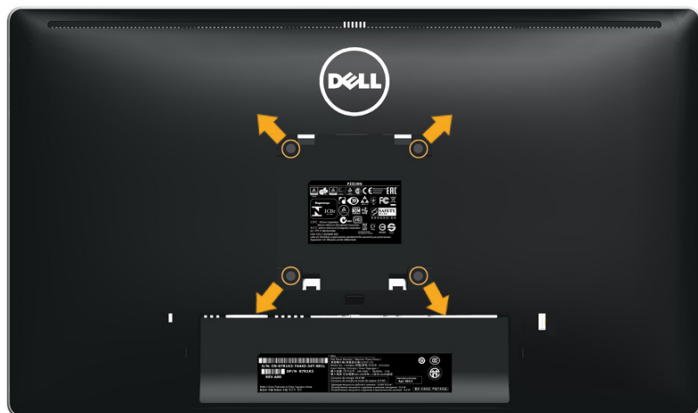
- LƯU Ý:** Để tránh trầy xước trên màn hình LCD khi gỡ bỏ giá đỡ, hãy đảm bảo đặt màn hình trên bề mặt sạch sẽ.
- LƯU Ý:** Chức năng này thích hợp cho màn hình có giá đỡ. Khi mua bất kì giá đỡ nào khác, vui lòng tham khảo hướng dẫn lắp đặt giá đỡ tương ứng đó để biết các chỉ dẫn lắp đặt.



Để gỡ giá đỡ:

1. Đặt màn hình trên một bề mặt phẳng.
2. Ấn và giữ nút tháo giá đỡ.
3. Nâng giá đỡ lên cao ra khỏi màn hình.


Treo tường (tùy chọn)



(Kích thước đinh vít: M4 x 10 mm).

Tham khảo các chỉ dẫn đi kèm với bộ treo tường tương thích với VESA.

1. Đặt bản nền màn hình lên miếng vải hay miếng đệm mềm trên chiếc bàn cố định.
2. Gỡ giá đỡ.
3. Dùng tua-vít để gỡ bốn đinh vít giữ chặt nắp nhựa.
4. Lấy giá treo ra khỏi bộ treo tường và gắn vào màn hình LCD.
5. Treo LCD lên tường theo các chỉ dẫn đi kèm với bộ treo tường.

 **LƯU Ý:** Chỉ dùng với giá treo được UL liệt kê với trọng lượng/tải trọng tối thiểu chịu được 13,36 kg.

Vận hành màn hình

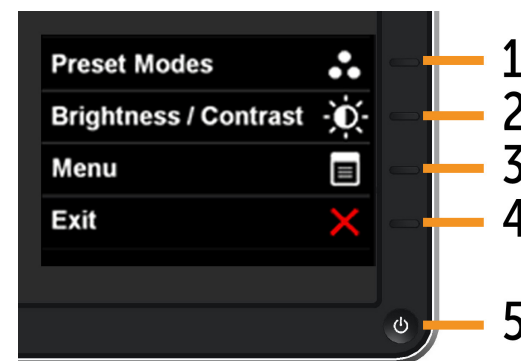
Bật nguồn màn hình

Bấm nút  để bật màn hình








Sử dụng Bộ điều khiển bản trước

Sử dụng các nút điều khiển ở mặt trước màn hình để điều chỉnh các đặc tính của hình ảnh hiển thị. Khi bạn sử dụng các nút này để điều chỉnh các điều khiển, OSD sẽ hiện các giá trị số của những đặc tính khi chúng thay đổi.







Bảng sau mô tả các nút bản trước:

	Nút bản trước	Mô tả
1	 Shortcut key (Phím tắt)/ Preset Modes (Chế độ thiết lập sẵn)	Dùng nút này để chọn từ danh sách các chế độ màu thiết lập sẵn.
2	 Shortcut key (Phím tắt) / Brightness/ Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)	Dùng nút này để truy nhập trực tiếp đến menu "Brightness/Contrast" (Độ sáng/Độ tương phản).
3	 Menu	Dùng nút MENU để khởi chạy hiển thị trên màn hình (OSD) và chọn menu OSD. Xem Truy cập hệ thống menu .
4	 Exit (Thoát)	Dùng nút này để trở lại menu chính hoặc để thoát khỏi menu chính của OSD.
5	 Nguồn (có đèn chỉ báo nguồn)	Dùng nút Nguồn để bật và tắt màn hình. Đèn LED màu trắng chỉ báo màn hình đang bật và đầy đủ chức năng. Đèn LED màu trắng rục rờ chỉ báo chế độ tiết kiệm điện năng DPMS.

Nút bản trước

Dùng các nút ở mặt trước màn hình để điều chỉnh các thiết đặt hình ảnh.



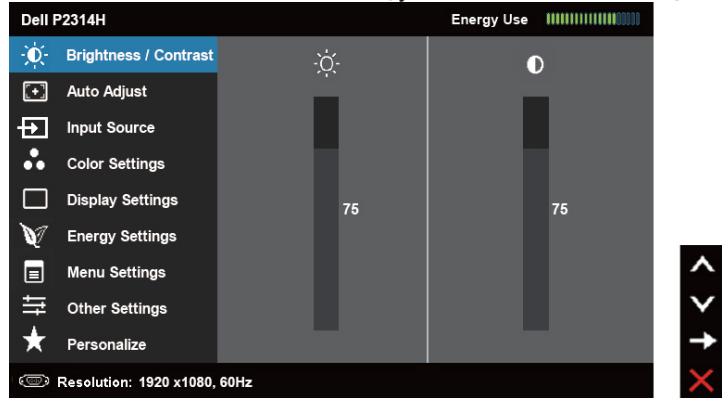
	Nút bản trước	Mô tả
1	 Tăng	Dùng nút Tăng để điều chỉnh (tăng phạm vi) các mục trong menu OSD.
2	 Giảm	Dùng nút Giảm để điều chỉnh (giảm phạm vi) các mục trong menu OSD.
3	 OK	Dùng nút OK để xác nhận lựa chọn của bạn.
4	 Quay lại	Dùng nút Quay lại để trở lại menu trước đó.

Sử dụng menu Hiển thị trên màn hình (OSD)

Truy cập hệ thống menu

LƯU Ý: Nếu bạn thay đổi thiết đặt này và sau đó đi vào menu khác hoặc thoát khỏi menu OSD, màn hình sẽ tự động lưu các thay đổi đó. Những thay đổi này cũng được lưu nếu bạn thay đổi các thiết đặt và sau đó chờ cho menu OSD biến mất.

1. Nhấn nút MENU để khởi chạy menu OSD và hiển thị menu chính.




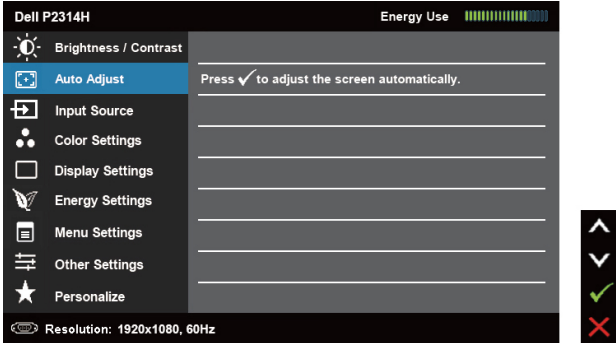
LƯU Ý: Auto Adjust (Điều chỉnh tự động) chỉ sẵn có khi bạn đang dùng đầu kết nối (VGA) analog.


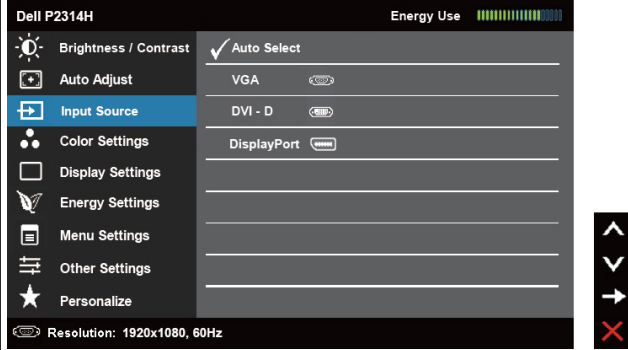









2. Nhấn nút và để di chuyển giữa các tùy chọn thiết đặt. Khi bạn di chuyển từ biểu tượng này sang biểu tượng kia, tên tùy chọn sẽ được tô sáng. Xem bảng sau để thấy danh sách hoàn chỉnh của tất cả các tùy chọn sẵn có đối với màn hình này.

LƯU Ý: Auto Adjust (Điều chỉnh tự động) chỉ sẵn có khi bạn đang dùng đầu kết nối (VGA) analog.

3. Nhấn nút hoặc một lần để kích hoạt tùy chọn được tô sáng.
4. Nhấn nút và để chọn thông số mong muốn.
5. Nhấn nút để vào thanh trượt, sau đó dùng nút hoặc , theo các chỉ báo trên menu, để thực hiện thay đổi.
6. Nhấn nút một lần để trở lại menu chính khi bạn muốn chọn tùy chọn khác hoặc nhấn nút hai hay ba lần để thoát khỏi menu OSD.

Biểu tượng	Menu và các menu con	Mô tả
	Energy Use (Sử dụng năng lượng)	Thiết bị đo này cho biết mức điện năng được màn hình sử dụng theo thời gian thực.
	Brightness/ Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)	Dùng menu này để kích hoạt phần điều chỉnh Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản).
	Brightness (Độ sáng)	Brightness (Độ sáng) điều chỉnh mức sáng của đèn nền. Nhấn nút để tăng độ sáng và nhấn nút để giảm độ sáng (tối thiểu 0 ~ tối đa 100). LƯU Ý: Điều khiển Brightness (Độ sáng) sẽ bị mờ đi trong “Screen dim” (Làm mờ màn hình) trong tùy chọn PowerNap khi trình tiết kiệm màn hình được bật.
	Contrast (Độ tương phản)	Điều chỉnh Brightness (Độ sáng) trước tiên, và sau đó điều chỉnh Contrast (Độ tương phản) chỉ khi nào cần điều chỉnh thêm. Nhấn nút để tăng độ tương phản và nhấn nút để giảm độ tương phản (tối thiểu 0 ~ tối đa 100). Chức năng Contrast (Độ tương phản) điều chỉnh mức chênh lệch giữa tối và sáng trên màn hình.

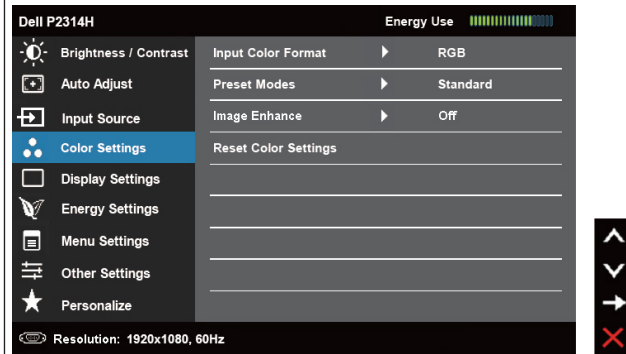
	<p>Auto Adjust (Điều chỉnh tự động)</p>	<p>Cho dù máy tính bạn nhận ra màn hình lúc khởi động, nhưng chức năng Auto Adjustment (Điều chỉnh tự động) sẽ tối ưu hoá thiết đặt hiển thị để sử dụng với thiết lập riêng của bạn.</p> <p>Auto Adjustment (Điều chỉnh tự động) cho phép màn hình tự điều chỉnh để phù hợp với tín hiệu video đi vào. Sau khi sử dụng Auto Adjustment (Điều chỉnh tự động), bạn có thể tinh chỉnh thêm màn hình của bạn bằng cách dùng điều khiển Pixel Clock (Xung quét điểm ảnh) và Phase (Pha) bên dưới Displays Settings (Thiết đặt hiển thị).</p>  <p>Hộp thoại sau đây sẽ xuất hiện trên màn hình màu đen khi màn hình tự động điều chỉnh đến đầu vào hiện tại:</p> <div data-bbox="376 933 817 1021" style="background-color: black; color: white; padding: 5px; text-align: center;">Auto Adjustment in progress...</div> <p>LƯU Ý: Trong hầu hết trường hợp, Auto Adjust (Điều chỉnh tự động) sẽ tạo ra hình ảnh tốt nhất cho cấu hình của bạn.</p> <p>LƯU Ý: Tùy chọn Auto Adjust (Điều chỉnh tự động) chỉ sẵn có khi bạn đang dùng đầu kết nối (VGA) analog.</p>
---	--	--

	<p>Input Source (Nguồn đầu vào)</p>	<p>Dùng menu Input Source (Nguồn đầu vào) để chọn giữa các tín hiệu video khác nhau có thể được kết nối vào màn hình.</p>  <table border="1" data-bbox="1321 566 2163 1029"> <tr> <td data-bbox="1321 566 1523 678">Auto Select (Chọn tự động)</td> <td data-bbox="1523 566 2163 678">Chọn Auto Select (Chọn tự động) để quét tìm các tín hiệu đầu vào sẵn có.</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1321 678 1523 790">VGA</td> <td data-bbox="1523 678 2163 790">Chọn đầu vào VGA khi bạn đang sử dụng đầu kết nối (VGA) analog. Ấn  để chọn nguồn đầu vào VGA.</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1321 790 1523 901">DVI-D</td> <td data-bbox="1523 790 2163 901">Chọn đầu vào DVI-D khi bạn đang sử dụng đầu kết nối (DVI) kỹ thuật số. Ấn  để chọn nguồn đầu vào DVI.</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1321 901 1523 1029">DisplayPort</td> <td data-bbox="1523 901 2163 1029">Chọn đầu vào DisplayPort khi bạn đang sử dụng đầu kết nối DisplayPort (DP). Ấn  để chọn nguồn đầu vào DisplayPort.</td> </tr> </table>	Auto Select (Chọn tự động)	Chọn Auto Select (Chọn tự động) để quét tìm các tín hiệu đầu vào sẵn có.	VGA	Chọn đầu vào VGA khi bạn đang sử dụng đầu kết nối (VGA) analog. Ấn  để chọn nguồn đầu vào VGA.	DVI-D	Chọn đầu vào DVI-D khi bạn đang sử dụng đầu kết nối (DVI) kỹ thuật số. Ấn  để chọn nguồn đầu vào DVI.	DisplayPort	Chọn đầu vào DisplayPort khi bạn đang sử dụng đầu kết nối DisplayPort (DP). Ấn  để chọn nguồn đầu vào DisplayPort.
Auto Select (Chọn tự động)	Chọn Auto Select (Chọn tự động) để quét tìm các tín hiệu đầu vào sẵn có.									
VGA	Chọn đầu vào VGA khi bạn đang sử dụng đầu kết nối (VGA) analog. Ấn  để chọn nguồn đầu vào VGA.									
DVI-D	Chọn đầu vào DVI-D khi bạn đang sử dụng đầu kết nối (DVI) kỹ thuật số. Ấn  để chọn nguồn đầu vào DVI.									
DisplayPort	Chọn đầu vào DisplayPort khi bạn đang sử dụng đầu kết nối DisplayPort (DP). Ấn  để chọn nguồn đầu vào DisplayPort.									



Color Settings (Thiết đặt màu)

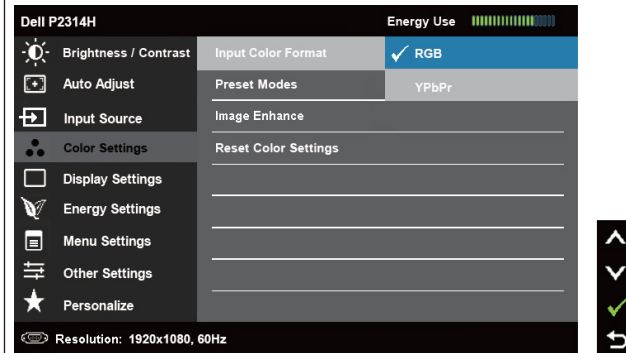
Dùng **Color Settings (Thiết đặt màu)** để điều chỉnh các thiết đặt màu của màn hình.



Input Color Format (Định dạng màu sắc đầu vào)

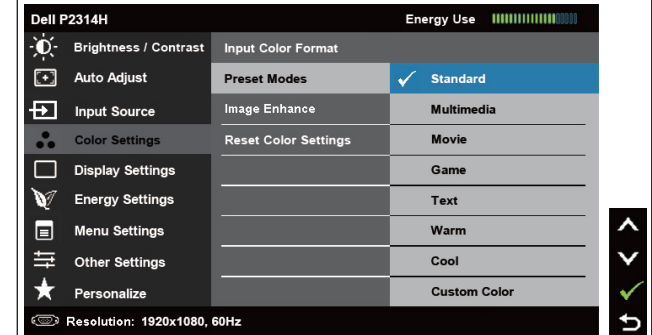
Cho phép bạn thiết đặt chế độ đầu vào video thành.

- **RGB:** Chọn tùy chọn này nếu màn hình của bạn kết nối với máy tính hoặc đầu đĩa DVD bằng cáp VGA và DVI hoặc bộ điều hợp HDMI đến DVI.
- **YPbPr:** Chọn tùy chọn này nếu đầu đĩa DVD của bạn chỉ hỗ trợ đầu ra YPbPr.












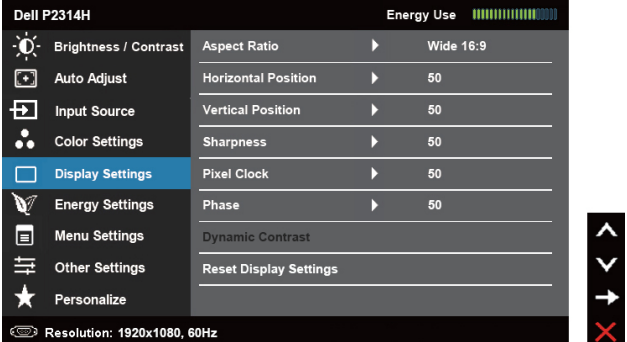








Preset Modes (Chế độ thiết lập sẵn)


Cho phép bạn chọn từ danh sách các chế độ màu thiết lập sẵn.




- **Standard (Tiêu chuẩn):** Nạp vào thiết đặt màu mặc định của màn hình. Đây là chế độ thiết lập sẵn mặc định.
- **Multimedia (Đa phương tiện):** Nạp vào thiết đặt màu lí tưởng cho các ứng dụng đa phương tiện.
- **Movie (Phim ảnh):** Nạp vào thiết đặt màu lí tưởng cho phim ảnh.
- **Game:** Nạp vào thiết đặt màu lí tưởng cho hầu hết các ứng dụng game.
- **Text (Văn bản):** Nạp vào thiết đặt màu lí tưởng cho văn phòng.
- **Warm (Ấm):** Tăng nhiệt độ màu. Màn hình sẽ trở nên ấm hơn với sắc thái đỏ/vàng.
- **Cool (Mát):** Giảm nhiệt độ màu. Màn hình sẽ trở nên mát hơn với sắc thái xanh lam.
- **Custom Color (Màu tùy chỉnh):** Cho phép bạn điều chỉnh thủ công các thiết đặt màu. Nhấn nút và để điều chỉnh các giá trị Đỏ, Xanh lục và Xanh lam, cũng như tạo ra chế độ màu thiết lập sẵn của riêng bạn.

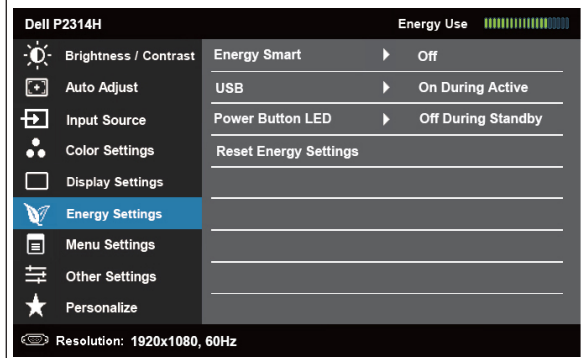
Image Enhance (Nâng cao hình ảnh)	<p>Tùy chọn này có thể tự động làm sắc nét hình ảnh, nâng cao sắc độ và tăng cường độ tương phản màu sắc.</p> <p>Để cải thiện độ rõ nét của hình ảnh.</p> <p>LƯU Ý: Image Enhance (Nâng cao hình ảnh) chỉ sẵn có trong chế độ Standard (Tiêu chuẩn), Multimedia (Đa phương tiện), Movie (Phim ảnh) hoặc Game.</p>
Hue (Sắc độ)	<p>Tính năng này có thể chuyển màu của hình ảnh video sang xanh lục hay tím. Tính năng này được dùng để điều chỉnh màu mong muốn theo tông màu da. Dùng  hoặc  để điều chỉnh sắc độ từ '0' đến '100'.</p> <p>Nhấn  để tăng sắc xanh lục của hình ảnh video.</p> <p>Nhấn  để tăng sắc tím của hình ảnh video.</p> <p>LƯU Ý: Điều chỉnh Hue (Sắc độ) chỉ sẵn có cho chế độ Movie (Phim ảnh) và Game.</p>
Saturation (Độ bão hoà)	<p>Tính năng này có thể điều chỉnh độ bão hoà màu sắc của hình ảnh video. Dùng  hoặc  để điều chỉnh độ bão hoà từ '0' đến '100'.</p> <p>Nhấn  để tăng diện mạo đơn sắc của hình ảnh video.</p> <p>Nhấn  để tăng diện mạo màu sắc của hình ảnh video.</p> <p>LƯU Ý: Điều chỉnh Saturation (Độ bão hoà) chỉ sẵn có cho đầu vào video.</p>
Reset Color Settings (Cài lại thiết đặt màu)	<p>Cài lại thiết đặt màu màn hình của bạn về mặc định xuất xưởng.</p>

 Display Settings (Thiết đặt hiển thị)	<p>Dùng menu Display Settings (Thiết đặt hiển thị) để điều chỉnh hình ảnh.</p> 
Wide Mode (Chế độ rộng)	<p>Điều chỉnh tỉ lệ hình ảnh thành Wide (Rộng) 16:9, 4:3, 5:4.</p>
Horizontal Position (Vị trí phương ngang)	<p>Dùng nút  hoặc  để điều chỉnh hình ảnh trái và phải. Tối thiểu là '0' (-). Tối đa là '100' (+).</p> <p>LƯU Ý: Khi sử dụng DVI, thiết đặt Horizontal Position (Vị trí phương ngang) không sẵn dùng.</p>
Vertical Position (Vị trí phương dọc)	<p>Dùng nút  hoặc  để điều chỉnh hình ảnh lên và xuống. Tối thiểu là '0' (-). Tối đa là '100' (+).</p> <p>LƯU Ý: Khi sử dụng DVI, thiết đặt Vertical Position (Vị trí phương dọc) không sẵn dùng.</p>
Sharpness (Độ sắc nét)	<p>Tính năng này có thể làm cho hình ảnh trông sắc nét hoặc mềm mại hơn. Dùng  hoặc  để điều chỉnh độ sắc nét từ '0' đến '100'.</p>
Pixel Clock (Xung quét điểm ảnh)	<p>Điều chỉnh Phase (Pha) và Pixel Clock (Xung quét điểm ảnh) cho phép bạn điều chỉnh màn hình theo ý thích của mình.</p> <p>Dùng nút  và  để điều chỉnh cho chất lượng hình ảnh tốt nhất.</p>
Phase (Pha)	<p>Nếu không có được kết quả thoả mãn bằng điều chỉnh Phase (Pha), hãy sử dụng điều chỉnh Pixel Clock (Xung quét điểm ảnh) (thô) và sau đó sử dụng lại Phase (Pha) (mịn).</p> <p>LƯU Ý: Điều chỉnh Pixel Clock (Xung quét điểm ảnh) và Phase (Pha) chỉ sẵn có đối với đầu vào "VGA".</p>

Dynamic Contrast (Độ tương phản động)	Dynamic Contrast (Độ tương phản động) điều chỉnh tỉ lệ tương phản thành 2.000.000 : 1. Ấn nút  để chọn "On (Bật)" hoặc "Off (Tắt)" Dynamic Contrast (Độ tương phản động).
Reset Display Settings (Cài lại thiết đặt hiển thị)	Chọn tùy chọn này để khôi phục thiết đặt hiển thị mặc định.



Energy Settings (Thiết đặt năng lượng)




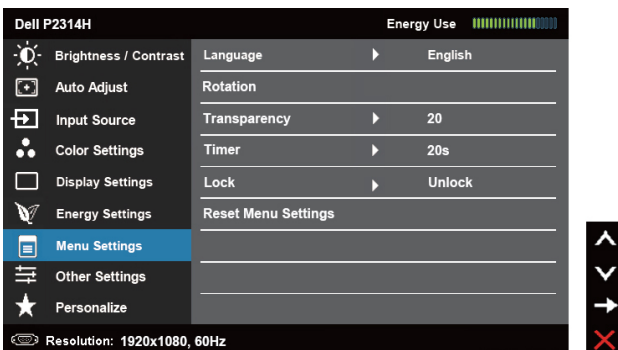


Energy Smart (Năng lượng thông minh)


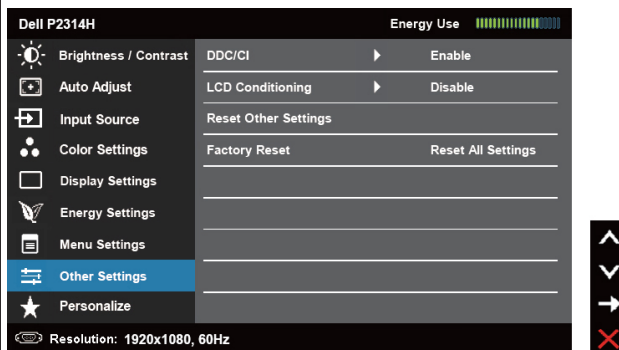
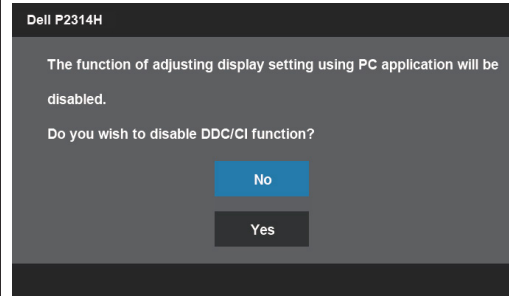
Để bật hoặc tắt làm mờ động. Energy Smart (Năng lượng thông minh) được “on” (bật) sẽ kích hoạt làm mờ động. Khi Energy Smart (Năng lượng thông minh) được bật, màn hình sẽ dùng điện năng ít hơn trên tổng thể so với khi Energy Smart (Năng lượng thông minh) được “off” (tắt).


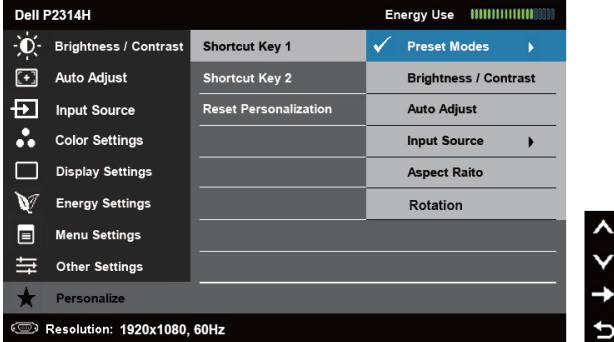
LƯU Ý: Dưới chế độ Energy Smart (Năng lượng thông minh), thanh sử dụng năng lượng sẽ giảm khi chuyển tiếp từ các cảnh sáng sang các cảnh tối. Thanh sử dụng năng lượng sẽ tăng khi chuyển tiếp từ các cảnh tối sang các cảnh sáng.

USB	Hệ thống		
	Trạng thái màn hình	BẬT	Tạm nghỉ
Màn hình có cáp tải lên được kết nối	BẬT (Vô hiệu hóa)	BẬT (Vô hiệu hóa)	TẮT (Vô hiệu hóa)
Màn hình không có cáp tải lên được kết nối	BẬT	TẮT/BẬT* (tùy vào lựa chọn OSD)	TẮT

Power Button LED (LED nút nguồn)	Cho phép bạn thiết đặt chỉ báo LED của nguồn thành bật hoặc tắt để tiết kiệm năng lượng.
Reset Energy Settings (Cài lại thiết đặt năng lượng)	Chọn tùy chọn này để khôi phục Energy Settings (Thiết đặt năng lượng) mặc định.

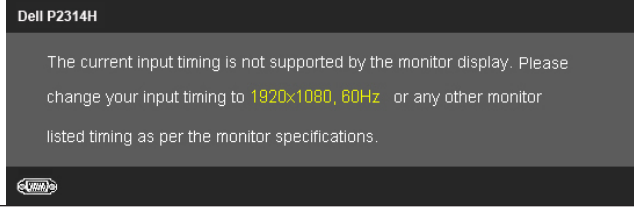
 Menu Settings (Thiết đặt menu)	
Language (Ngôn ngữ)	Tùy chọn Language (Ngôn ngữ) thiết đặt hiển thị OSD theo một trong tám ngôn ngữ (Tiếng Anh, Tiếng Tây Ban Nha, Tiếng Pháp, Tiếng Đức, Tiếng Brazil, Tiếng Bồ Đào Nha, Tiếng Nga, Tiếng Trung giản thể, hoặc Tiếng Nhật).
Transparency (Độ trong suốt)	Chức năng này được dùng để điều chỉnh nền OSD từ mờ đục sang trong suốt.
Timer (Bộ định giờ)	OSD Hold Time (Thời gian duy trì OSD): Thiết đặt khoảng thời gian mà OSD vẫn hoạt động sau lần cuối cùng bấm nút nào đó. Dùng nút  và  để điều chỉnh thanh trượt theo mức tăng giảm 1 giây, từ 5 đến 60 giây.
Lock (Khoá)	Kiểm soát truy cập của người dùng vào những phần điều chỉnh. Khi chọn Lock (Khóa) , người dùng sẽ không được phép điều chỉnh. Tất cả các nút đã bị khoá. LƯU Ý: Chức năng Lock (Khóa) – Khoá mềm (thông qua menu OSD) hay khoá cứng (Bấm và giữ nút bên trên nút nguồn trong 10 giây) Chức năng Unlock (Mở khoá) – Chỉ có mở khoá cứng (Bấm và giữ nút bên trên nút nguồn trong 10 giây)
Reset Menu Settings (Cài lại thiết đặt menu)	Chọn tùy chọn này để khôi phục thiết đặt Menu mặc định.

 Other Settings (Thiết đặt khác)	Chọn tùy chọn này để điều chỉnh các thiết đặt của OSD, chẳng hạn như DDC/CI, LCD Conditioning (Điều hoà LCD), v.v. 
DDC/CI	DDC/CI (Kênh dữ liệu hiển thị/Giao diện dòng lệnh) cho phép điều chỉnh các thông số của màn hình (độ sáng, cân bằng màu, v.v.) thông qua phần mềm trên máy tính. Bạn có thể vô hiệu hoá tính năng này bằng cách chọn “Disable” (Vô hiệu hoá). Bật tính năng này để có được trải nghiệm người dùng tốt nhất và hiệu năng tối ưu cho màn hình. 

<p>LCD Conditioning (Điều hoà LCD)</p>	<p>Giúp giảm bớt các trường hợp mắc lỗi lưu ảnh không đáng kể. Tùy thuộc vào mức độ lỗi lưu ảnh, việc chạy chương trình này có thể mất chút thời gian. Bạn có thể bật tính năng này bằng cách chọn "Enable" (Bật).</p>	 <p>Dell P2314H</p> <p>This feature will help reduce minor cases of image retention. Depending on the degree of image retention, the program may take some time to run. Do you wish to continue?</p> <p>No</p> <p>Yes</p>																											
<p>Reset Other Settings (Cài lại các thiết đặt khác)</p>	<p>Chọn tùy chọn này để khôi phục thiết đặt khác mặc định, như DDC/CI.</p>																												
<p>Factory Reset (Cài lại về thiết đặt xuất xưởng)</p>	<p>Cài lại tất cả các thiết đặt OSD về giá trị thiết lập sẵn lúc xuất xưởng.</p>																												
<p> Personalize (Cá nhân hoá)</p>	<p>Người dùng có thể chọn từ "Preset Modes" (Chế độ thiết lập sẵn), "Brightness/Contrast" (Độ sáng/Độ tương phản), "Auto Adjust" (Điều chỉnh tự động), "Input Source" (Nguồn đầu vào), "Aspect Ratio" (Tỉ lệ khung hình) và đặt làm phím tắt.</p>	 <p>Dell P2314H Energy Use [Progress Bar]</p> <table border="1"> <tr> <td>Brightness / Contrast</td> <td>Shortcut Key 1</td> <td>✓ Preset Modes</td> </tr> <tr> <td>Auto Adjust</td> <td>Shortcut Key 2</td> <td>Brightness / Contrast</td> </tr> <tr> <td>Input Source</td> <td>Reset Personalization</td> <td>Auto Adjust</td> </tr> <tr> <td>Color Settings</td> <td></td> <td>Input Source</td> </tr> <tr> <td>Display Settings</td> <td></td> <td>Aspect Ratio</td> </tr> <tr> <td>Energy Settings</td> <td></td> <td>Rotation</td> </tr> <tr> <td>Menu Settings</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Other Settings</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>★ Personalize</td> <td></td> <td></td> </tr> </table> <p>Resolution: 1920x1080, 60Hz</p>	Brightness / Contrast	Shortcut Key 1	✓ Preset Modes	Auto Adjust	Shortcut Key 2	Brightness / Contrast	Input Source	Reset Personalization	Auto Adjust	Color Settings		Input Source	Display Settings		Aspect Ratio	Energy Settings		Rotation	Menu Settings			Other Settings			★ Personalize		
Brightness / Contrast	Shortcut Key 1	✓ Preset Modes																											
Auto Adjust	Shortcut Key 2	Brightness / Contrast																											
Input Source	Reset Personalization	Auto Adjust																											
Color Settings		Input Source																											
Display Settings		Aspect Ratio																											
Energy Settings		Rotation																											
Menu Settings																													
Other Settings																													
★ Personalize																													
<p>Reset Personalization (Cài lại cá nhân hóa)</p>	<p>Cho phép bạn khôi phục phím tắt đến thiết đặt mặc định.</p>																												

Thông báo cảnh báo của OSD

Khi màn hình không hỗ trợ một chế độ độ phân giải cụ thể, bạn sẽ thấy thông báo sau:

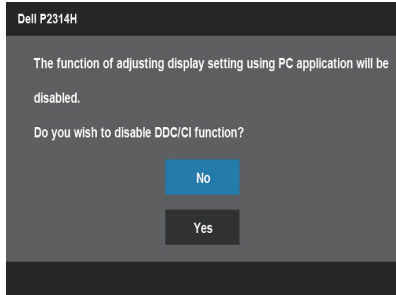


Dell P2314H

The current input timing is not supported by the monitor display. Please change your input timing to 1920x1080, 60Hz or any other monitor listed timing as per the monitor specifications.

Điều này có nghĩa là màn hình không thể đồng bộ hoá với tín hiệu mà nó đang nhận từ máy tính. Xem [Thông số kĩ thuật màn hình](#) để biết phạm vi tần số Ngang và Dọc được màn hình xử lí. Chế độ đề xuất là 1920 x 1080.

Bạn sẽ thấy thông báo sau đây trước khi vô hiệu hoá chức năng DDC/CI.



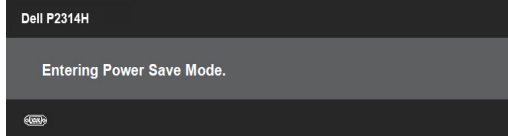
Dell P2314H

The function of adjusting display setting using PC application will be disabled. Do you wish to disable DDC/CI function?

No

Yes

Khi màn hình đi vào chế độ Power Save (Tiết kiệm điện năng), thông báo sau sẽ xuất hiện:

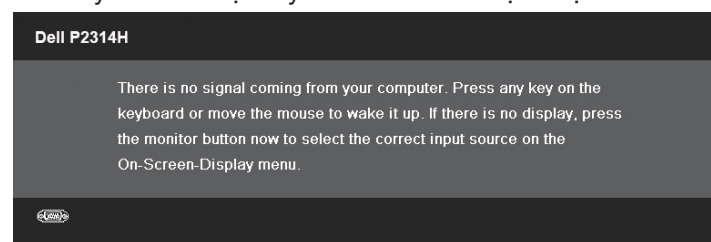


Dell P2314H

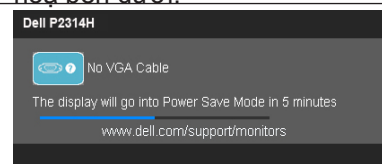
Entering Power Save Mode.

Kích hoạt máy tính và đánh thức màn hình để có thể truy cập [OSD](#)

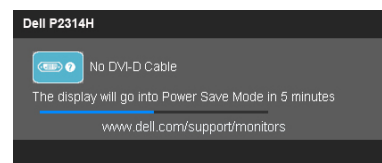
Nếu bạn bấm bất kỳ nút nào thay vì nút nguồn, một trong những thông báo sau đây sẽ xuất hiện tùy theo đầu vào được chọn:



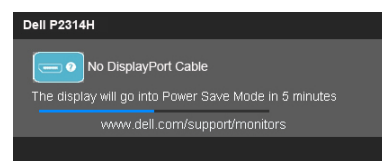
Nếu đầu vào VGA hoặc DVI-D hoặc DP được chọn và cả cáp VGA và DVI-D và DP không được kết nối, thì sẽ xuất hiện một hộp thoại nổi lên như minh họa bên dưới.



hoặc



hoặc



Xem [Giải quyết vấn đề](#) để biết thêm thông tin.

Thiết đặt độ phân giải tối đa

Trong Windows Vista®, Windows® 7 hoặc Windows® 8/ Windows® 8.1 :

1. Chỉ đối với Windows® 8/ Windows® 8.1, chọn biểu tượng Desktop (Màn hình nền) để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
2. Nhấp chuột phải vào desktop và nhấp Screen resolution.
3. Nhấp vào danh sách Độ phân giải màn hình sổ xuống và chọn 1920 x 1080.
4. Nhấp OK.

Trong Windows® 10 :

1. Nhấp phải vào màn hình nền máy vi tính và nhấp **Display settings**.
2. Nhấp vào **Advanced display settings**.
3. Nhấp vào danh sách Độ phân giải thả xuống và chọn 1920 x 1080.
4. Nhấp vào **Apply**.

Nếu không nhìn thấy 1920 x 1080 như một tùy chọn thì bạn có thể cần cập nhật driver đồ họa. Tùy vào máy tính của bạn, hãy hoàn tất một trong các quy trình sau:

Nếu bạn sử dụng máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay Dell:

- Truy cập www.dell.com/support, nhập thẻ dịch vụ của bạn và tải về driver mới nhất cho card đồ họa.

Nếu bạn đang sử dụng máy tính không phải của Dell (máy tính xách tay hoặc máy tính để bàn):

- Truy cập trang web hỗ trợ dành cho máy tính của bạn và tải về các driver đồ họa mới nhất.
- Truy cập trang web card đồ họa của bạn và tải về các driver đồ họa mới nhất.

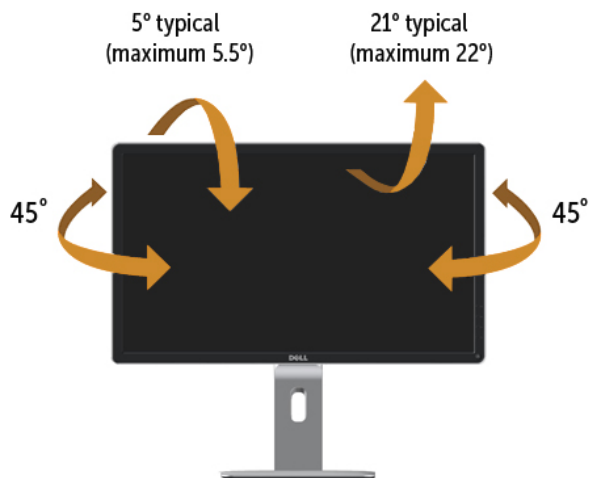
Sử dụng chức năng nghiêng, quay và mở rộng theo chiều dọc



LƯU Ý: Chức năng này thích hợp cho màn hình có giá đỡ. Khi mua bất kỳ giá đỡ nào khác, vui lòng tham khảo hướng dẫn lắp đặt giá đỡ tương ứng đó để biết các chỉ dẫn lắp đặt.

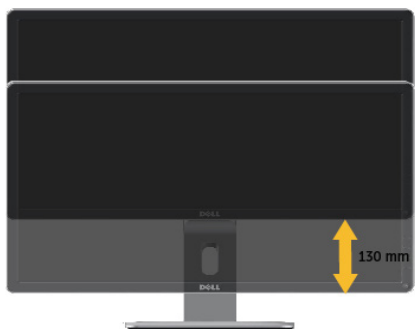
Nghiêng, xoay

Khi để được gắn vào màn hình, bạn có thể nghiêng màn hình để có được góc nhìn thoải mái nhất.



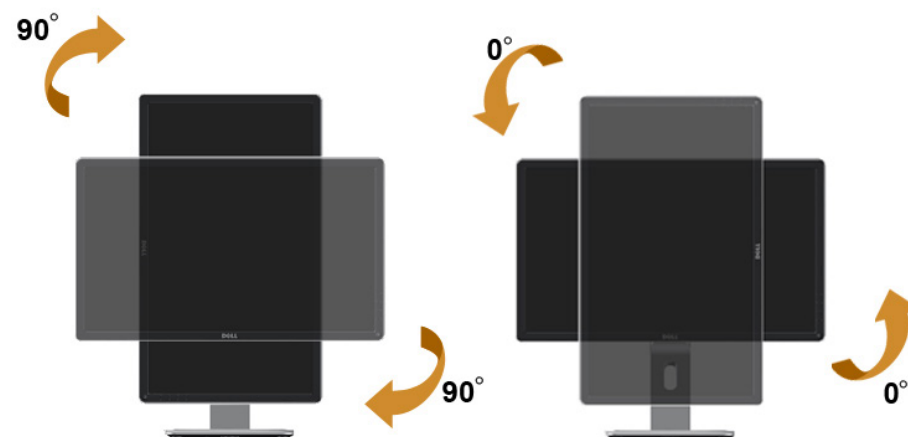
Mở rộng theo chiều dọc

- LƯU Ý:** Giá đỡ có thể mở rộng theo chiều dọc tối đa là 130 mm. Hình dưới đây cho biết cách mở rộng giá đỡ theo chiều dọc như thế nào.



Xoay màn hình

Trước khi bạn xoay màn hình, màn hình của bạn nên được mở rộng chiều dọc hết cỡ (Mở rộng theo chiều dọc) và nghiêng lên hoàn toàn (Nghiêng) để tránh va chạm cạnh đáy của màn hình.



- LƯU Ý:** Để sử dụng chức năng Display Rotation (Xoay màn hình) (chế độ xem ngang hay dọc) với máy tính Dell của bạn, bạn cần trình điều khiển đồ họa cập nhật không được bao gồm trong màn hình này. Để tải xuống trình điều khiển, hãy truy cập www.dell.com/support và kiểm tra phần Download (Tải xuống) cho Video Drivers (Trình điều khiển video) để biết các cập nhật trình điều khiển mới nhất.
- LƯU Ý:** Khi ở Portrait View Mode (Chế độ dạng xem dọc), bạn có thể gặp tình trạng hiệu năng giảm sút trong các ứng dụng đồ họa chuyên sâu (Trò chơi 3D v.v.).

Điều chỉnh Thiết đặt hiển thị xoay của hệ thống

Sau khi xoay màn hình, bạn cần hoàn tất quy trình dưới đây để điều chỉnh Rotation Display Settings (Thiết đặt hiển thị xoay) của hệ thống.

LƯU Ý: Nếu bạn đang sử dụng màn hình với máy tính không phải của Dell, bạn cần truy cập trang web trình điều khiển đồ họa hoặc trang web nhà sản xuất máy tính của bạn để biết thông tin về cách xoay 'nội dung' trên màn hình của bạn.

Để điều chỉnh Rotation Display Settings (Thiết đặt hiển thị xoay):

1. Nhấn chuột phải vào màn hình nền và nhấn **Properties (Thuộc tính)**.
2. Chọn tab **Settings (Thiết đặt)** và nhấn **Advanced (Nâng cao)**.
3. Nếu bạn có thể đồ họa ATI, hãy chọn tab Rotation (Xoay) và đặt kiểu xoay ưa thích.
Nếu bạn có thể đồ họa nVidia, hãy bấm vào tab **nVidia**, ở cột bên trái chọn **NVRotate**, sau đó chọn kiểu xoay ưa thích.
Nếu bạn có thể đồ họa Intel®, hãy chọn tab đồ họa Intel, bấm **Graphic Properties (Thuộc tính đồ họa)**, chọn tab **Rotation (Xoay)**, sau đó đặt kiểu xoay ưa thích.

LƯU Ý: Nếu bạn không thấy tùy chọn xoay hoặc tùy chọn này không hoạt động đúng, hãy truy cập www.dell.com/support và tải xuống trình điều khiển mới nhất cho thẻ đồ họa của bạn.

Khắc phục sự cố

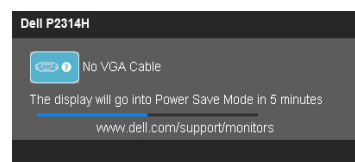
THẬN TRỌNG: Trước khi bắt đầu bất kỳ quy trình nào trong phần này, hãy làm theo [Hướng dẫn an toàn](#)

Tự kiểm tra

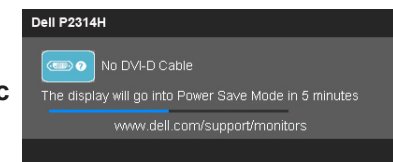
Màn hình của bạn có tính năng tự kiểm tra cho phép bạn kiểm tra xem màn hình của mình có đang hoạt động đúng hay không. Nếu màn hình và máy tính của bạn được kết nối đúng nhưng màn hình vẫn tối, hãy chạy tính năng tự kiểm tra màn hình bằng cách thực hiện các bước sau:

1. Tắt cả máy tính lẫn màn hình.
2. Rút cáp video ra khỏi phần sau máy tính. Để đảm bảo Tự kiểm tra hoạt động đúng, hãy tháo tất cả các cáp Kỹ thuật số (đầu nối trắng) và Analog (đầu nối xanh lam) khỏi phần sau máy tính.
3. Bật màn hình.

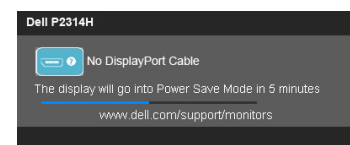
Hộp thoại nổi sẽ xuất hiện trên màn hình (trên nền đen), nếu màn hình không thể bắt được tín hiệu video và đang hoạt động đúng. Khi ở chế độ tự kiểm tra, đèn LED nguồn luôn sáng trắng. Ngoài ra, tùy vào đầu vào đã chọn, một trong các hộp thoại như minh họa dưới đây sẽ liên tục di chuyển qua màn hình.



hoặc



hoặc



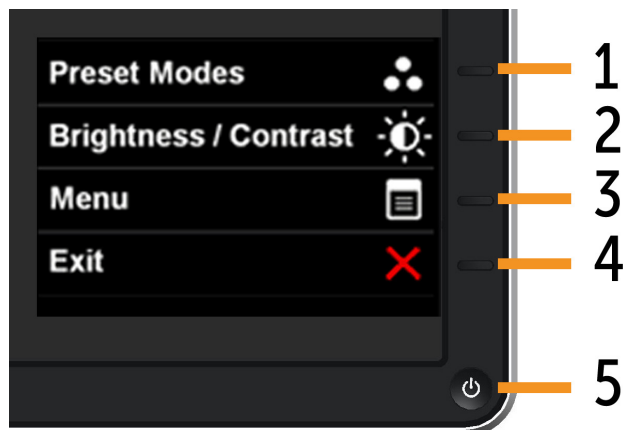
4. Hộp này cũng xuất hiện trong khi hệ thống hoạt động bình thường, nếu cáp video bị ngắt kết nối hoặc bị hỏng.
5. Tắt màn hình của bạn và kết nối lại cáp video; rồi bật cả máy tính lẫn màn hình.

Nếu màn hình của bạn vẫn bị trống sau khi bạn sử dụng thủ tục trước, hãy kiểm tra trình điều khiển video và máy tính của bạn, vì màn hình của bạn đang hoạt động đúng.

Chẩn đoán tích hợp sẵn

Màn hình của bạn có công cụ chẩn đoán tích hợp sẵn giúp bạn xác định xem vấn đề bất thường của màn hình mà bạn đang gặp có phải là vấn đề vốn có của màn hình hay của máy tính và bảng mạch video.

LƯU Ý: Chỉ khi nào cáp video được rút ra và màn hình đang ở chế độ tự kiểm tra, bạn mới chạy được chẩn đoán tích hợp sẵn.



Để chạy chẩn đoán tích hợp sẵn:

1. Đảm bảo màn hình sạch (không có bụi trên bề mặt màn hình).
2. Rút cáp video ra khỏi phần sau máy tính hay màn hình. Khi đó màn hình sẽ vào chế độ tự kiểm tra.
3. Nhấn và giữ đồng thời Nút 1 và Nút 4 trên bảng điều khiển mặt trước trong 2 giây. Một màn hình xám xuất hiện.
4. Cẩn thận kiểm tra màn hình xem có điều gì bất thường không.
5. Nhấn Nút 4 trên bảng điều khiển mặt trước một lần nữa. Màn hình chuyển thành đỏ.
6. Kiểm tra hiển thị xem có vấn đề bất thường không.
7. Lặp lại bước 5 và 6 để kiểm tra hiển thị trong màn hình màu xanh lục, xanh lam, đen, trắng.

Kiểm tra hoàn tất khi màn hình màu trắng xuất hiện. Để thoát, nhấn Nút 4 một lần nữa.

Nếu bạn không phát hiện bất kỳ điều bất thường nào trên màn hình khi sử dụng công cụ chẩn đoán tích hợp sẵn, tức là màn hình đang hoạt động đúng. Kiểm tra thẻ đồ họa và máy tính.

Các vấn đề thông thường

Bảng sau cho biết thông tin chung về các vấn đề thông thường với màn hình mà bạn có thể gặp phải cũng như cho biết các giải pháp khả thi.

Dấu hiệu thường gặp	Vấn đề bạn gặp phải	Giải pháp khả thi
Không có video/ đèn LED nguồn tắt	Không có hình ảnh	<ul style="list-style-type: none">• Đảm bảo cáp video kết nối màn hình và máy tính được kết nối đúng và an toàn.• Xác nhận ổ cắm điện đang hoạt động đúng bằng cách sử dụng thiết bị điện khác.• Đảm bảo nút nguồn được nhấn hết mức.• Đảm bảo chọn đúng nguồn đầu vào trong nút Input Source Select (Chọn Nguồn đầu vào).• Kiểm tra tùy chọn "Power Button LED" (LED nút nguồn) bên dưới Energy Setting (Thiết đặt năng lượng) trong menu OSD
Không có video/ đèn LED nguồn bật	Không có hình ảnh hoặc không có độ sáng	<ul style="list-style-type: none">• Tăng điều khiển độ sáng và độ tương phản thông qua OSD.• Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình.• Kiểm tra xem có chân cắm nào bị cong hoặc bị gãy trong đầu kết nối cáp video.• Chạy chẩn đoán tích hợp sẵn.• Đảm bảo chọn đúng nguồn đầu vào trong nút Input Source Select (Chọn Nguồn đầu vào).

Hình ảnh mờ	Hình ảnh bị mờ, nhoè hoặc có bóng	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện Auto Adjust (Điều chỉnh tự động) thông qua OSD. Điều chỉnh các điều khiển Phase (Pha) và Pixel Clock (Xung quét điểm ảnh) thông qua OSD. Loại bỏ cáp mở rộng video. Cài lại màn hình về Factory Settings (Thiết đặt xuất xưởng). Thay đổi độ phân giải video theo tỉ lệ khung hình chính xác (16:9).
Video bị rung/lắc	Hình ảnh bị gợn sóng hoặc hơi giật	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện Auto Adjust (Điều chỉnh tự động) thông qua OSD. Điều chỉnh các điều khiển Phase (Pha) và Pixel Clock (Xung quét điểm ảnh) thông qua OSD. Cài lại màn hình về Factory Settings (Thiết đặt xuất xưởng). Kiểm tra các yếu tố môi trường. Dời màn hình và kiểm tra ở phòng khác.
Thiếu điểm ảnh	Màn hình LCD có đốm	<ul style="list-style-type: none"> Nguồn bật-tắt liên tục. Pixel bị tắt vĩnh viễn là một khiếm khuyết tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ LCD. Để biết thêm thông tin về Chất lượng màn hình Dell và Chính sách điểm ảnh, hãy truy cập trang web Hỗ trợ của Dell tại: www.dell.com/support/monitors.

Điểm ảnh tê liệt	Màn hình LCD có đốm sáng	<ul style="list-style-type: none"> Nguồn bật-tắt liên tục. Pixel bị tắt vĩnh viễn là một khiếm khuyết tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ LCD. Để biết thêm thông tin về Chất lượng màn hình Dell và Chính sách điểm ảnh, hãy truy cập trang web Hỗ trợ của Dell tại: www.dell.com/support/monitors.
Các vấn đề về độ sáng	Hình ảnh quá tối hoặc quá sáng	<ul style="list-style-type: none"> Cài lại màn hình về Factory Settings (Thiết đặt xuất xưởng). Auto Adjust (Điều chỉnh tự động) thông qua OSD. Điều chỉnh các nút điều khiển độ sáng và độ tương phản thông qua OSD.
Biến dạng hình học	Màn hình không được căn giữa đúng	<ul style="list-style-type: none"> Cài lại màn hình về Factory Settings (Thiết đặt xuất xưởng). Auto Adjust (Điều chỉnh tự động) thông qua OSD. Điều chỉnh các nút điều khiển Horizontal Position (Vị trí phương ngang) và Vertical Position (Vị trí phương dọc) thông qua OSD. <p>LƯU Ý: Khi sử dụng đầu vào DVI-D, các điều chỉnh vị trí không sẵn dùng.</p>

Sọc ngang/dọc	Màn hình có một hoặc nhiều sọc	<ul style="list-style-type: none"> • Cài lại màn hình về Factory Settings (Thiết đặt xuất xưởng). • Thực hiện Auto Adjust (Điều chỉnh tự động) thông qua OSD. • Điều chỉnh các điều khiển Phase (Pha) và Pixel Clock (Xung quét điểm ảnh) thông qua OSD. • Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình và xác định xem có phải những sọc này cũng có trong chế độ tự kiểm tra không. • Kiểm tra xem có chân cắm nào bị cong hoặc bị gãy trong đầu kết nối cáp video. • Chạy chẩn đoán tích hợp sẵn. <p>LƯU Ý: Khi sử dụng đầu vào DVI-D, các điều chỉnh Pixel Clock (Xung quét điểm ảnh) và Phase (Pha) không sẵn dùng.</p>
----------------------	--------------------------------	--

Các vấn đề đồng bộ hoá	Màn hình hiển thị lộn xộn hoặc có vệt bị đứt gãy	<ul style="list-style-type: none"> • Cài lại màn hình về Factory Settings (Thiết đặt xuất xưởng). • Thực hiện Auto Adjust (Điều chỉnh tự động) thông qua OSD. • Điều chỉnh các điều khiển Phase (Pha) và Pixel Clock (Xung quét điểm ảnh) thông qua OSD. • Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem màn hình hỗn độn có xuất hiện trong chế độ tự kiểm tra không. • Kiểm tra xem có chân cắm nào bị cong hoặc bị gãy trong đầu kết nối cáp video. • Khởi động lại máy tính trong safe mode (chế độ an toàn).
Các vấn đề liên quan đến an toàn	Dấu hiệu khói hoặc tia lửa có thể nhìn thấy	<ul style="list-style-type: none"> • Không thực hiện bất kì bước khắc phục sự cố nào. • Liên hệ Dell ngay lập tức.
Các vấn đề chậm chờn	Lỗi màn hình bật rồi tắt	<ul style="list-style-type: none"> • Đảm bảo cáp video kết nối màn hình với máy tính được kết nối đúng và chắc chắn. • Cài lại màn hình về Factory Settings (Thiết đặt xuất xưởng). • Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem vấn đề chậm chờn có xảy ra trong chế độ tự kiểm tra không.

Thiếu màu	Hình ảnh thiếu màu	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình. Đảm bảo cáp video kết nối màn hình với máy tính được kết nối đúng và chắc chắn. Kiểm tra xem có chân cắm nào bị cong hoặc bị gãy trong đầu kết nối cáp video.
Sai màu	Màu hình ảnh không tốt	<ul style="list-style-type: none"> Thay đổi Color Setting Mode (Chế độ thiết đặt màu) trong OSD Color Settings (Thiết đặt màu) sang Graphics (Đồ họa) hoặc Video tùy thuộc vào ứng dụng. Hãy thử nhiều Color Preset Settings (Thiết đặt màu sẵn) khác nhau trong OSD Color Settings (Thiết đặt màu). Điều chỉnh giá trị R/G/B trong OSD Color Settings (Thiết đặt màu) nếu Color Management (Quản lý màu) bị tắt. Thay đổi Input Color Format (Định dạng màu sắc đầu vào) thành PC RGB hoặc YPbPr trong OSD Advance Setting (Thiết đặt nâng cao). Chạy chẩn đoán tích hợp sẵn.
Giữ nguyên hình ảnh từ một hình ảnh tĩnh còn lại trên màn hình trong thời gian dài	Bóng mờ từ hình ảnh tĩnh được hiển thị xuất hiện trên màn hình	<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng tính năng Power Management (Quản lý điện năng) để tắt màn hình bất cứ khi nào không sử dụng (để biết thêm thông tin, xem Chế độ quản lý điện năng). Nếu không, hãy sử dụng trình bảo vệ màn hình thay đổi linh động.

Các vấn đề cụ thể của sản phẩm

Dấu hiệu cụ thể	Vấn đề bạn gặp phải	Giải pháp khả thi
Hình ảnh màn hình quá nhỏ	Hình ảnh được căn giữa trên màn hình, nhưng không lấp hết toàn bộ khu vực xem	<ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra thiết đặt Scaling Ratio (Tỉ lệ co giãn) trong OSD Image Setting (Thiết đặt ảnh) Cài lại màn hình về Factory Settings (Thiết đặt xuất xưởng).
Không thể điều chỉnh màn hình với các nút trên bảng điều khiển mặt trước	OSD không xuất hiện trên màn hình	<ul style="list-style-type: none"> Tắt màn hình, rút dây nguồn màn hình, cắm lại, rồi bật màn hình.
Không có Tín hiệu đầu vào khi nhấn nút điều khiển người dùng	Không có hình ảnh, đèn LED sáng trắng.	<ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra nguồn tín hiệu. Đảm bảo máy tính không ở chế độ tiết kiệm điện năng bằng cách di chuyển chuột hoặc nhấn phím bất kì trên bàn phím. Kiểm tra để chắc chắn Video Source (Nguồn video) đến VGA hoặc DVI-D có điện và đang phát đa phương tiện video. Kiểm tra xem cáp tín hiệu có được cắm đúng không. Cắm lại cáp tín hiệu nếu cần. Cài lại máy tính hoặc đầu phát video.
Hình ảnh không lấp đầy toàn bộ màn hình.	Hình ảnh không thể lấp hết chiều cao hoặc chiều rộng màn hình	<ul style="list-style-type: none"> Do định dạng video (tỉ lệ khung hình) khác nhau của đĩa DVD, màn hình có thể hiển thị toàn màn hình. Chạy chẩn đoán tích hợp sẵn.



LƯU Ý: Khi chọn chế độ DVI-D, chức năng Auto Adjust (Điều chỉnh tự động) không sẵn dùng.

Các vấn đề cụ thể về USB (Universal Serial Bus)

Dấu hiệu cụ thể	Vấn đề bạn gặp phải	Giải pháp khả thi
Giao diện USB không hoạt động	Các thiết bị ngoại vi USB không hoạt động	<ul style="list-style-type: none">Kiểm tra xem màn hình của bạn có Bật chưa.Kết nối lại cáp tải lên vào máy tính của bạn.Kết nối lại các thiết bị ngoại vi USB (đầu kết nối tải xuống).Tắt rồi bật máy tính lại lần nữa.Khởi động lại máy tính.Một số thiết bị USB như HDD di động ngoài cần dòng điện cao hơn; kết nối thiết bị trực tiếp vào hệ thống máy tính.
Giao diện USB 2.0 Tốc độ Cao chậm.	Thiết bị ngoại vi USB 2.0 Tốc độ Cao hoạt động chậm hoặc hoàn toàn không hoạt động	<ul style="list-style-type: none">Kiểm tra xem máy tính của bạn có thể chạy SB 2.0 không.Một vài máy tính có cả cổng USB 2.0 và USB 1.1. Đảm bảo sử dụng đúng cổng USB.Kết nối lại cáp tải lên vào máy tính của bạn.Kết nối lại các thiết bị ngoại vi USB (đầu kết nối tải xuống).Khởi động lại máy tính.

Phụ lục



CẢNH BÁO: Hướng dẫn an toàn



CẢNH BÁO: Sử dụng các nút điều khiển, điều chỉnh hoặc quy trình không được nêu trong tài liệu này có thể dẫn đến bị điện giật, gặp rủi ro về điện và/hoặc cơ học.

Để biết thông tin về hướng dẫn an toàn, hãy xem Hướng dẫn thông tin sản phẩm.

Thông báo FCC (Chỉ ở Hoa Kỳ) và Thông tin pháp quy khác

Để biết thông báo FCC và thông tin pháp quy khác, hãy truy cập trang web tuân thủ quy định tại : http://www.dell.com/regulatory_compliance.

Liên hệ Dell

Đối với những khách hàng ở Hoa Kỳ, gọi 800-WWW-DELL (800-999-3355).



LƯU Ý: Nếu bạn không có kết nối Internet đang hoạt động, bạn có thể tìm thông tin liên hệ trên hóa đơn mua hàng, phiếu đóng gói, hoá đơn hoặc danh mục sản phẩm Dell.

Dell có cung cấp một số hỗ trợ trực tuyến và qua điện thoại. Mức sẵn có thay đổi theo quốc gia và sản phẩm, và một số dịch vụ có thể không có trong khu vực của bạn.

Để xem nội dung hỗ trợ trực tuyến cho màn hình:

- Hãy truy cập www.dell.com/support/monitors.

Để liên hệ Dell về việc bán hàng, hỗ trợ kỹ thuật hoặc các vấn đề dịch vụ khách hàng:

1.	Hãy truy cập www.dell.com/support .
2.	Xác nhận quốc gia hoặc khu vực của bạn trong menu thả xuống Choose A Country/Region (Chọn một quốc gia/khu vực) ở góc dưới của trang.
3.	Nhấn Contact Us (Liên hệ với chúng tôi) ở bên trái của trang.
4.	Chọn dịch vụ hoặc đường liên kết hỗ trợ phù hợp với nhu cầu của bạn.
5.	Chọn cách liên hệ Dell thuận tiện với bạn.

Lắp Đặt Màn Hình

Cài đặt độ phân giải màn hình sang mức 1920 x 1080 (tối đa)

Để đạt hiệu suất tối ưu, cài độ phân giải màn hình sang 1920 x 1080 pixel bằng cách thực hiện các bước sau:

Trong Windows Vista®, Windows® 7 hoặc Windows® 8/ Windows® 8.1:

1. Chỉ đối với Windows® 8/ Windows® 8.1, chọn biểu tượng Desktop (Màn hình nền) để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
2. Nhấp phải vào màn hình nền và nhấp Screen Resolution (Độ phân giải màn hình).
3. Nhấp vào danh sách Độ phân giải màn hình sổ xuống và chọn 1920 x 1080.
4. Nhấp OK.

Trong Windows® 10 :

1. Nhấp phải vào màn hình nền máy vi tính và nhấp **Display settings**.
2. Nhấp vào **Advanced display settings**.
3. Nhấp vào danh sách Độ phân giải thả xuống và chọn 1920 x 1080.
4. Nhấp vào **Apply**.

Nếu không nhìn thấy độ phân giải khuyến dùng như một tùy chọn thì bạn có thể cần cập nhật driver đồ họa. Hãy chọn tình huống dưới đây mô tả tốt nhất về hệ thống máy tính bạn đang sử dụng và thực hiện theo các hướng dẫn có sẵn.

Máy tính Dell

1. Truy cập www.dell.com/support, nhập thẻ dịch vụ của bạn và tải về driver mới nhất cho card đồ họa.
2. Sau khi cài đặt driver cho card đồ họa, thử cài lại độ phân giải ở mức 1920 x 1080.



LƯU Ý: Nếu bạn không thể cài độ phân giải ở mức 1920 x 1080, vui lòng liên hệ với Dell™ để hỏi thông tin về card đồ họa hỗ trợ các độ phân giải này.


Máy tính không phải của Dell

Trên ĐHĐ Windows Vista®, Windows® 7, Windows® 8 / Windows® 8.1:

1. Chỉ đối với Windows® 8/ Windows® 8.1, chọn biểu tượng Desktop (Màn hình nền) để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
2. Nhấp chuột phải lên màn hình nền và nhấp Personalization (Cá nhân hóa).
3. Nhấp Change Display Settings (Đổi cài đặt màn hình).
4. Nhấp Advanced Settings (Cài đặt nâng cao).
5. Xác định nhà cung cấp bộ điều khiển đồ họa của bạn từ phần mô tả ở phía trên cửa sổ (ví dụ: NVIDIA, ATI, Intel, v.v...).
6. Tham khảo trang web nhà cung cấp card đồ họa để biết driver cập nhật (ví dụ: <http://www.ATI.com> HOẶC <http://www.NVIDIA.com>).
7. Sau khi cài đặt driver cho card đồ họa, thử cài lại độ phân giải sang 1920 x 1080.

Trong Windows® 10:

1. Nhấp phải vào màn hình nền máy vi tính và nhấp **Display settings**.
2. Nhấp vào **Advanced display settings**.
3. Nhấp vào **Display adapter properties**.
4. Xác định nhà cung cấp bộ điều khiển đồ họa của bạn từ phần mô tả ở phía trên cửa sổ (ví dụ: NVIDIA, ATI, Intel, v.v...).
5. Tham khảo trang web nhà cung cấp card đồ họa để biết driver cập nhật (ví dụ: <http://www.ATI.com> HOẶC <http://www.NVIDIA.com>).
6. Sau khi cài đặt driver cho card đồ họa, thử cài lại độ phân giải sang 1920 x 1080.

 **LƯU Ý:** Nếu bạn không thể cài độ phân giải khuyến dùng, hãy liên hệ với nhà sản xuất máy tính hoặc cân nhắc mua card đồ họa có hỗ trợ độ phân giải video.

Quy trình thiết lập màn hình kép trong Windows Vista®, Windows® 7, Windows® 8, Windows® 8.1 hoặc Windows® 10


Nội dung

- (a) **Đối với Windows Vista®**
- (b) **Đối với Windows® 7**
- (c) **Đối với Windows® 8/Windows® 8.1**
- (d) **Đối với Windows® 10**
- (e) **Cài đặt các kiểu hiển thị cho nhiều màn hình**

(a) Đối với Windows Vista®

Kết nối (các) màn hình ngoài với máy tính xách tay hoặc máy tính để bàn bằng cáp video (VGA, DVI, DP, v.v...) và thực hiện theo một trong các phương pháp thiết lập dưới đây.

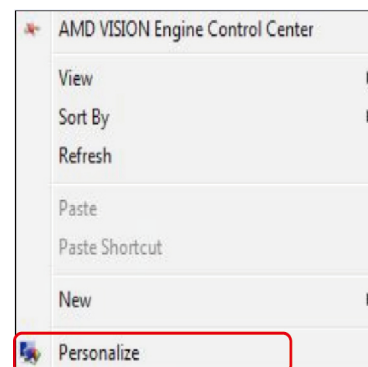
Phương pháp 1: Sử dụng phím tắt bàn phím “Win+P”

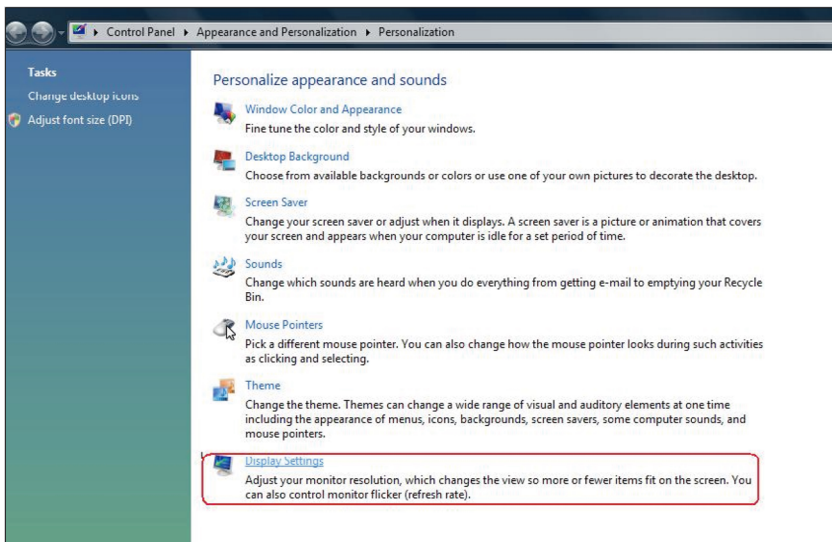
1. Nhấn **phím logo Windows + P** trên bàn phím. 
2. Trong khi giữ **phím logo Windows**, nhấn **P** để chuyển đổi giữa hai màn hình.



Phương pháp 2: Sử dụng menu “Personalize” (Cá nhân hóa)

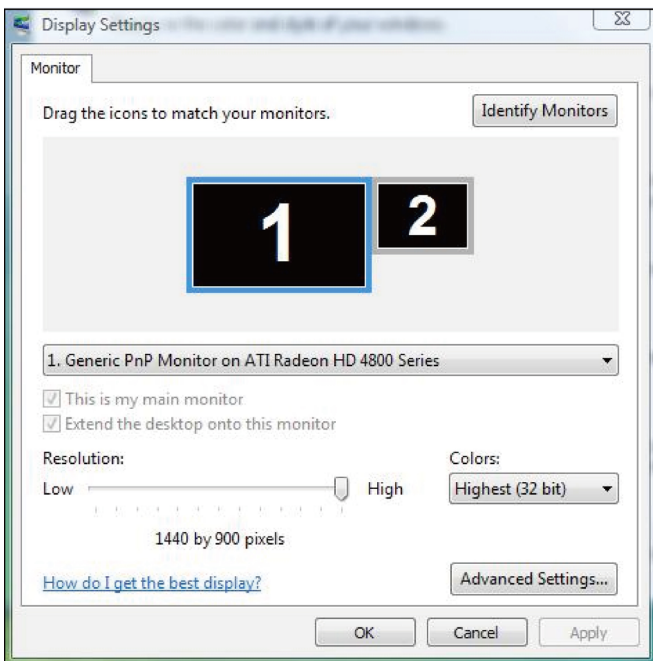
1. Nhấp phải vào màn hình nền và nhấp **Personalize (Cá nhân hóa)**.
2. Nhấp **Display Settings (Cài đặt màn hình)**.





3. Nhấp **Identify Monitors (Nhận dạng màn hình)**.


- Bạn có thể cần khởi động lại hệ thống và lặp lại các bước từ 1-3 nếu hệ thống không phát hiện màn hình vừa thêm.

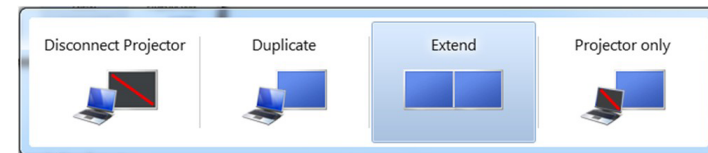


(b) **Đổi với Windows® 7**

Kết nối (các) màn hình ngoài với máy tính xách tay hoặc máy tính để bàn bằng cáp video (VGA, DVI, DP, v.v...) và thực hiện theo một trong các phương pháp thiết lập dưới đây.

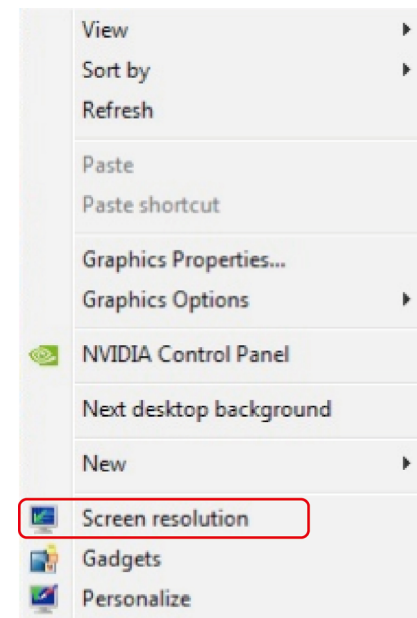
Phương pháp 1: Sử dụng phím tắt bàn phím “Win+P”

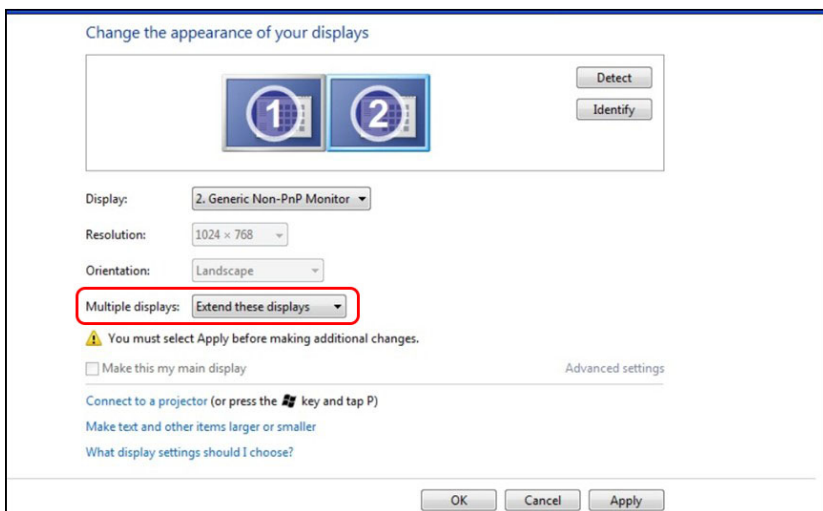
1. Nhấn **phím logo Windows + P** trên bàn phím. 
2. Trong khi giữ **phím logo Windows**, nhấn phím **P** để chuyển đổi giữa các lựa chọn màn hình.



Phương pháp 2: Dùng menu “Screen Resolution” (Độ phân giải màn hình)

1. Nhấp chuột phải vào màn hình nền và nhấp **Screen Resolution**.
2. Nhấp **Multiple displays (Nhiều màn hình)** để thực hiện lựa chọn màn hình. Nếu bạn không nhìn thấy liệt kê màn hình bổ sung, nhấp **Detect**.
 - Bạn có thể cần khởi động lại hệ thống và lặp lại các bước từ 1-3 nếu hệ thống không phát hiện màn hình vừa thêm.

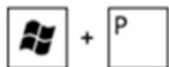




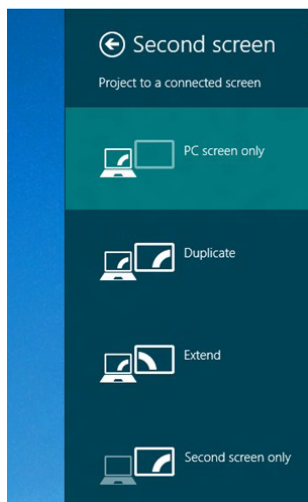
(c) Đối với Windows® 8/Windows® 8.1

Kết nối (các) màn hình ngoài với máy tính xách tay hoặc máy tính để bàn bằng cáp video (VGA, DVI, DP, v.v...) và thực hiện theo một trong các phương pháp thiết lập dưới đây.

Phương pháp 1: Sử dụng phím tắt bàn phím “Win+P”



1. Nhấn **phím logo Windows + P** trên bàn phím.
2. Trong khi giữ **phím logo Windows**, nhấn phím **P** để chuyển đổi giữa các lựa chọn màn hình.

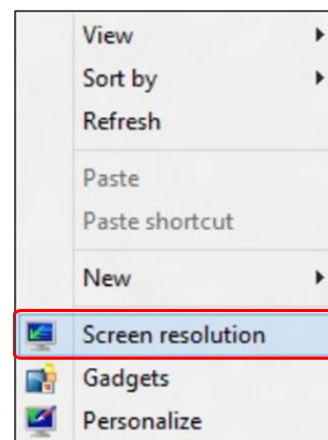


Phương pháp 2: Dùng menu “Screen Resolution” (Độ phân giải màn hình)

1. Từ màn hình Start (Khởi động), chọn biểu tượng **Desktop (Màn hình nền)** để chuyển sang màn hình nền Windows cổ điển.

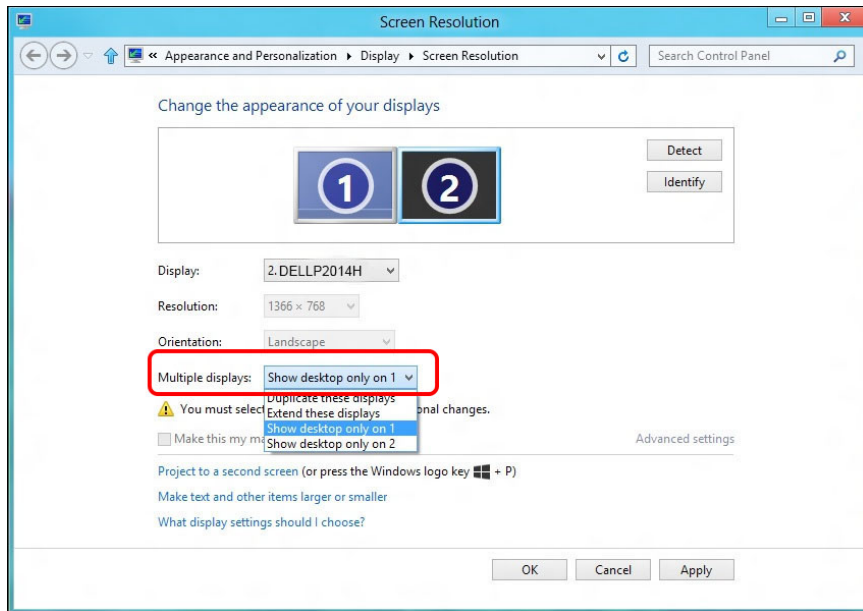


2. Nhấp chuột phải vào màn hình nền và nhấp **Screen Resolution**.



3. Nhấp **Multiple displays (Nhiều màn hình)** để thực hiện lựa chọn màn hình. Nếu bạn không nhìn thấy liệt kê màn hình bổ sung, nhấp **Detect**.

- Bạn có thể cần khởi động lại hệ thống và lặp lại các bước từ 1-3 nếu hệ thống không phát hiện màn hình vừa thêm.



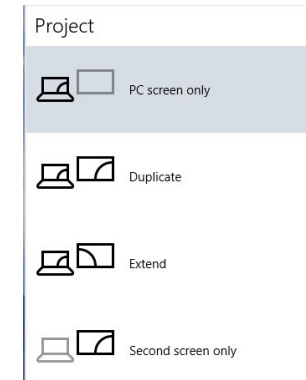
(d) Đổi với Windows® 10

Kết nối (các) màn hình ngoài với máy tính xách tay hoặc máy tính để bàn bằng cáp video (VGA, DVI, DP, v.v...) và thực hiện theo một trong các phương pháp thiết lập dưới đây.



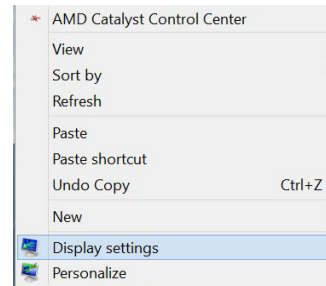
Phương pháp 1: Sử dụng phím tắt bàn phím “Win+P”

1. Nhấn **phím logo Windows + P** trên bàn phím.
2. Trong khi giữ **phím logo Windows**, nhấn phím **P** để chuyển đổi giữa các lựa chọn màn hình.



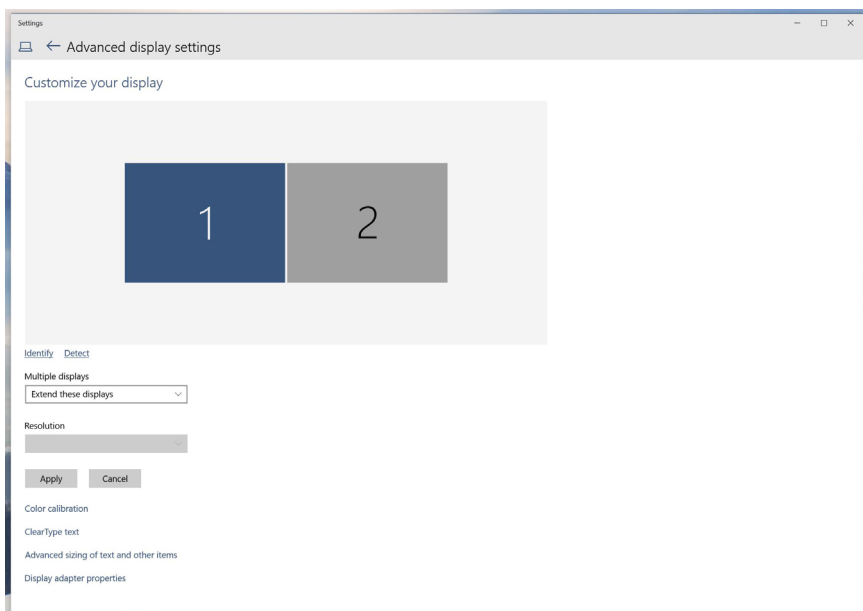
Phương pháp 2: Dùng menu “Display Settings” (cài đặt màn hình)

1. Nhấp phải vào màn hình nền máy vi tính và nhấp Display settings.



2. Nhấp **Multiple displays (Nhiều màn hình)** để thực hiện lựa chọn màn hình. Nếu bạn không nhìn thấy liệt kê màn hình bổ sung, nhấp **Detect**.

- Bạn có thể cần khởi động lại hệ thống và lặp lại các bước từ 1-3 nếu hệ thống không phát hiện màn hình vừa thêm.



(e) Cài đặt các kiểu hiển thị cho nhiều màn hình

Sau khi thiết lập (các) màn hình ngoài, người dùng có thể chọn kiểu hiển thị mong muốn từ menu **Multiple displays**: Duplicate (Nhân đôi), Extend (Mở rộng), Show Desktop On (Hiển thị màn hình nền trên).

- **Nhân đôi các màn hình này:** Nhân đôi cùng màn hình trên hai màn hình với độ phân giải giống nhau, được chọn dựa trên màn hình có độ phân giải thấp hơn.

(i) Đối với Windows Vista®

[NHÂN ĐÔI KHÔNG CÓ SẴN]

(ii) Đối với Windows® 7

Change the appearance of your displays



Display: 1. Mobile PC Display

Resolution: 1024 x 768

Orientation: Landscape

Multiple displays: Extend these displays

⚠ You must select a display mode before you can make any other changes.

Make this my main display

Show desktop only on 1

Show desktop only on 2

Advanced settings

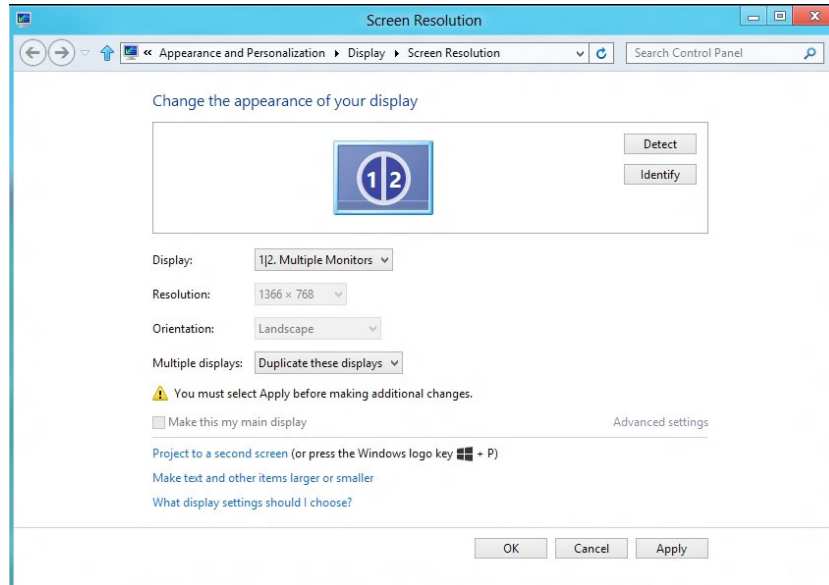
Connect to a projector (or press the key and tap P)

Make text and other items larger or smaller

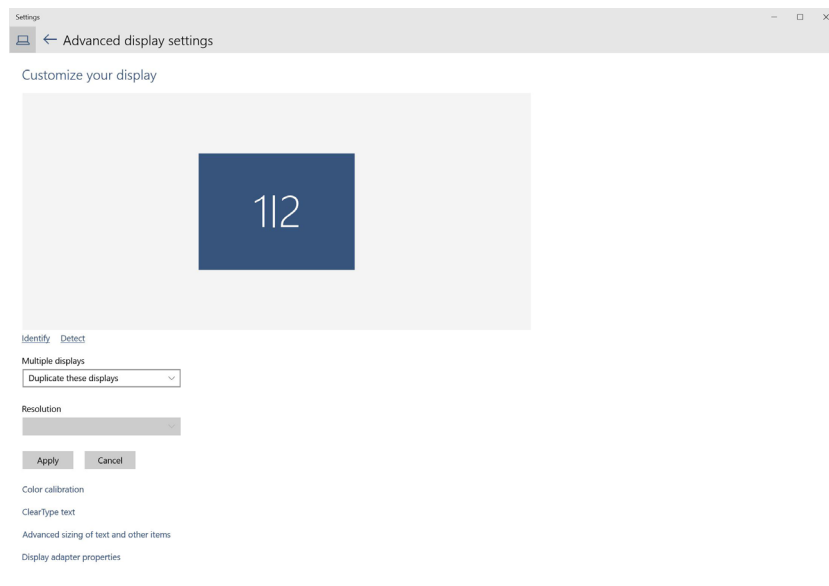
What display settings should I choose?

OK Cancel Apply

(iii) Đối với Windows® 8 / Windows® 8.1

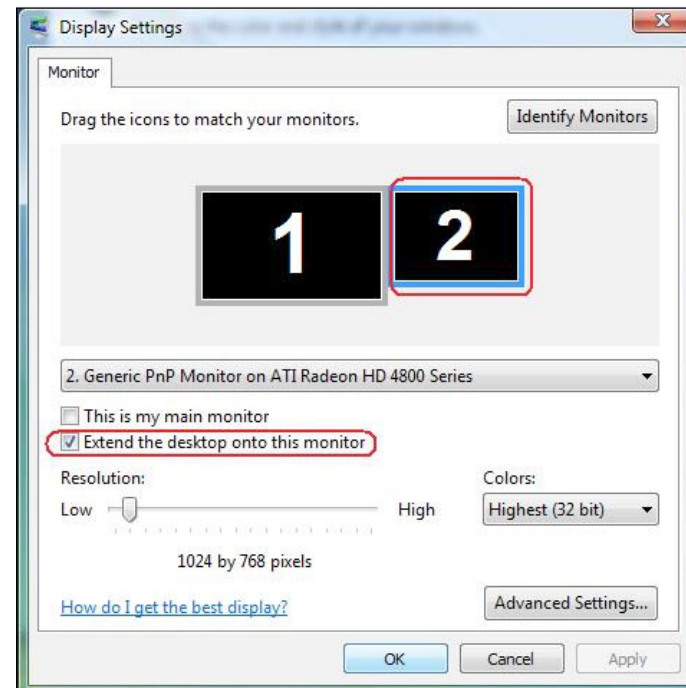


(iv) Đối với Windows® 10



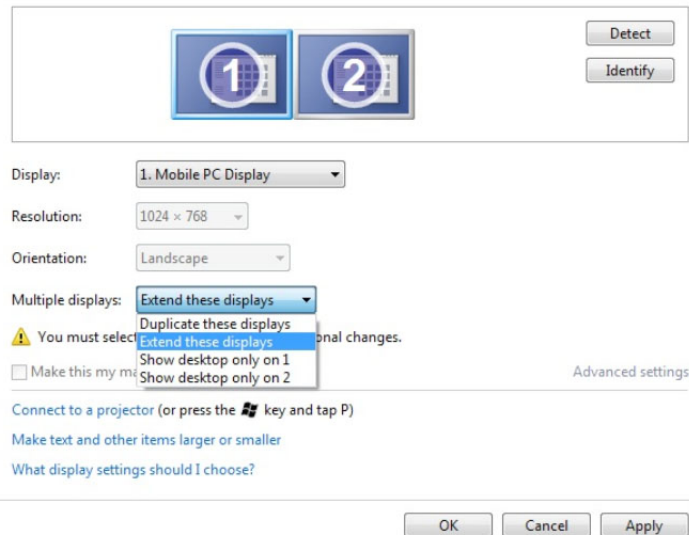
▪ **Mở rộng các màn hình này:** Tùy chọn này được khuyên dùng khi kết nối màn hình ngoài với máy tính xách tay, và mỗi màn hình có thể hiển thị màn hình khác nhau một cách độc lập để nâng cao sự tiện lợi cho người dùng. Vị trí tương đối của các màn hình có thể được thiết lập tại đây, ví dụ như màn hình 1 có thể được thiết lập sang bên trái của màn hình 2 hoặc ngược lại. Điều này tùy thuộc vào vị trí thực của màn hình LCD liên quan đến máy tính xách tay. Vạch thẳng hiển thị trên cả hai màn hình có thể dựa trên máy tính xách tay hoặc màn hình ngoài. Đây là tất cả những tùy chọn tùy chỉnh, và tất cả những gì người dùng cần làm là kéo màn hình chính sang màn hình mở rộng.

(i) Đối với Windows Vista®

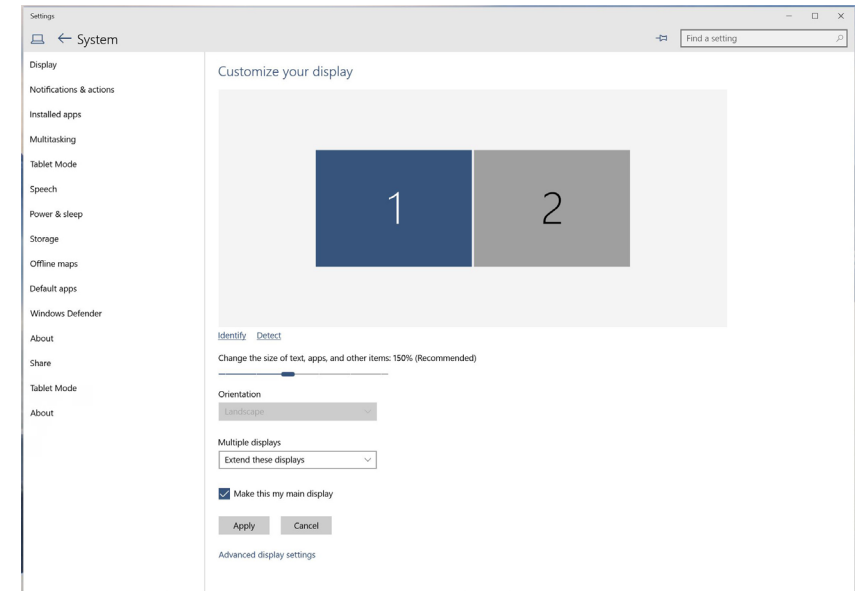


(ii) Đối với Windows® 7

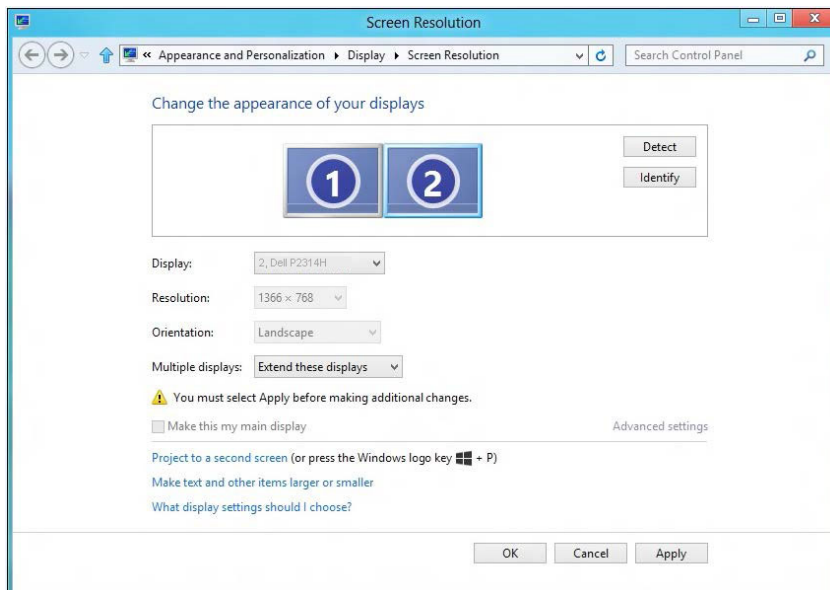
Change the appearance of your displays



(iv) Đối với Windows® 10

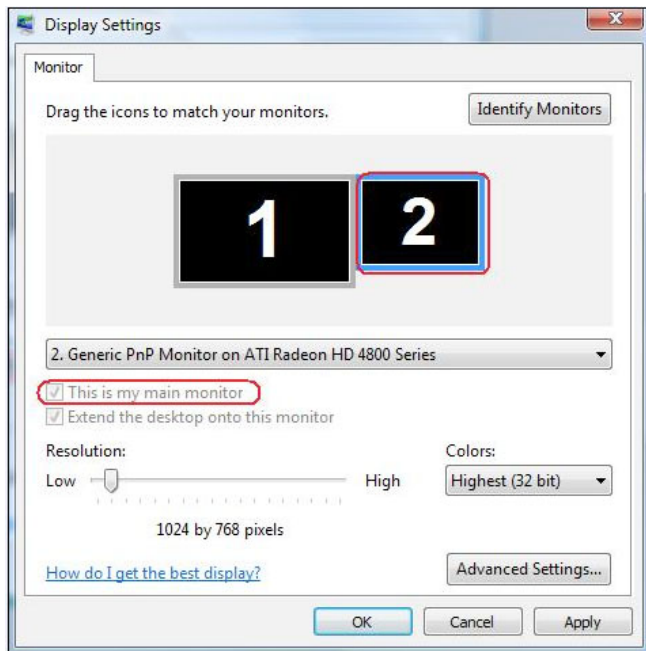
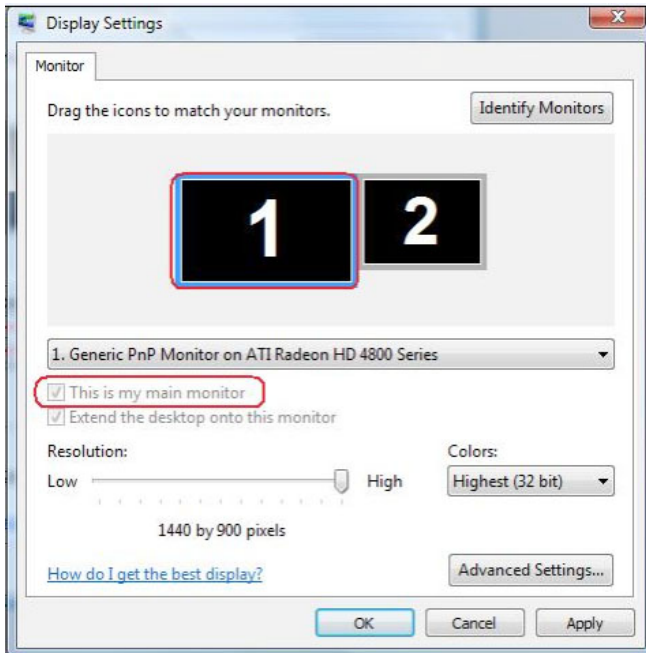


(iii) Đối với Windows® 8 / Windows® 8.1



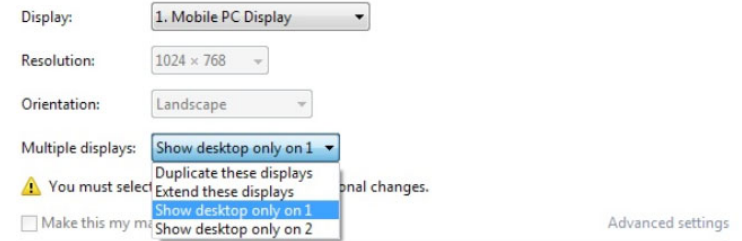
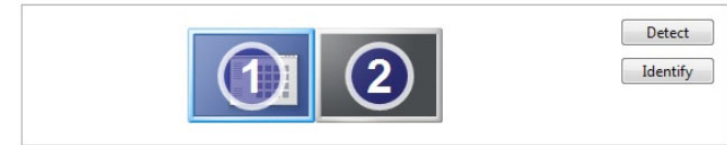
- **Chỉ hiển thị màn hình nền trên...:** Hiển thị tình trạng của một màn hình cụ thể. Tùy chọn này thường được chọn khi máy tính xách tay được sử dụng như máy tính cá nhân để người dùng có thể tận hưởng màn hình ngoài rộng hơn. Hầu hết các máy tính xách tay hiện nay đều hỗ trợ các độ phân giải chính. Như minh họa trong hình ở trên, độ phân giải của màn hình máy tính xách tay chỉ là 1366 x 768, nhưng sau khi kết nối màn hình LCD ngoài 23 inch, người dùng có thể cải thiện ngay khả năng tận hưởng hình ảnh chất lượng Full HD 1920 x 1080.

(i) Đối với Windows Vista®



(ii) Đối với Windows® 7

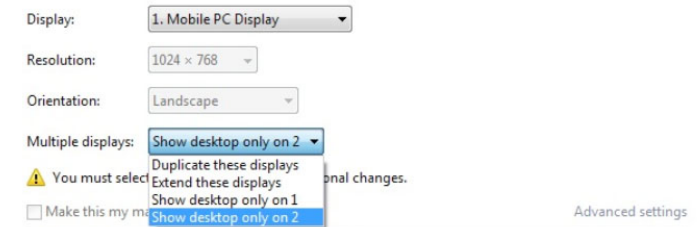
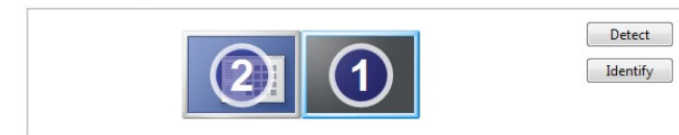
Change the appearance of your displays



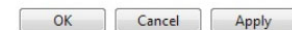
Connect to a projector (or press the **Fn** key and tap P)
Make text and other items larger or smaller
What display settings should I choose?



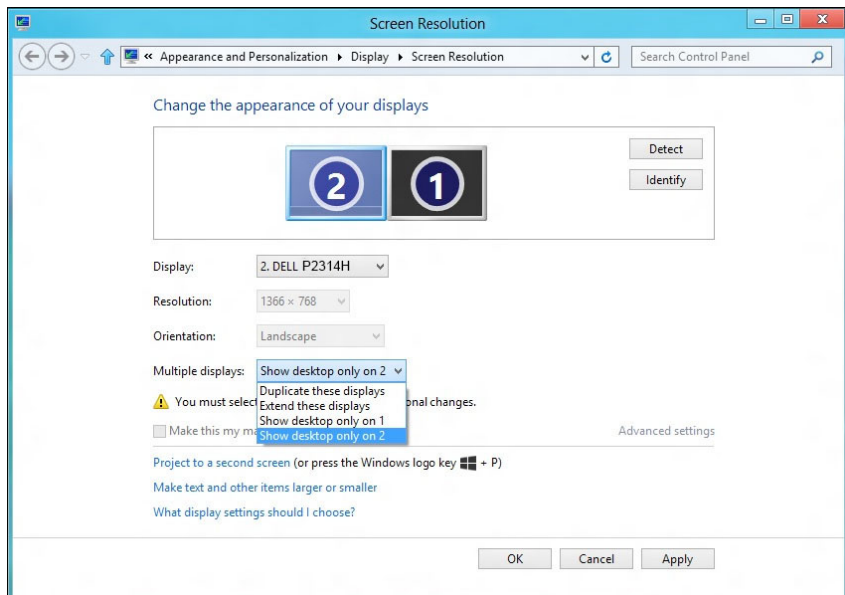
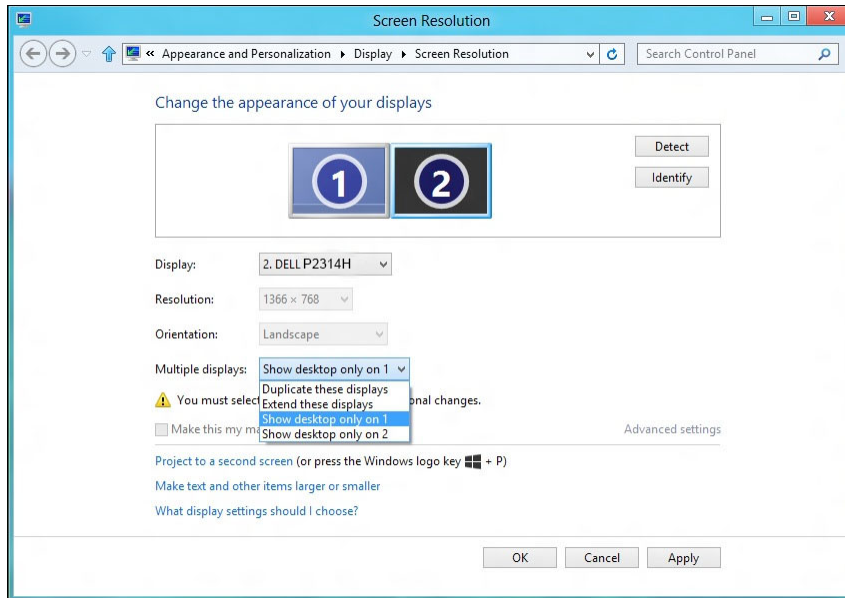
Change the appearance of your displays



Connect to a projector (or press the **Fn** key and tap P)
Make text and other items larger or smaller
What display settings should I choose?



(iii) Đối với Windows® 8 / Windows® 8.1



(iv) Đối với Windows® 10

